UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2367 /QĐ-CĐKT

Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
ban hành Quy định về hợp tác, liên kết đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

Căn cứ Quyết định số 1976/QĐ-CĐKT ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kon Tum;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 308/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp về chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 361/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 72/2026/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hợp tác, liên kết đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp; Quyết định số 2886/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đính chính Thông tư số 72/2026/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hợp tác, liên kết đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý khoa học công nghệ và Hợp tác phát triển, và Trưởng phòng Quản lý Đào tạo và Bảo đảm chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hợp tác, liên kết đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định sau của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum: Quyết định số 1259/QĐ-

CĐKT ngày 30 tháng 6 năm 2025 ban hành Quy định phối hợp và hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và dưới 3 tháng; Quyết định số 928/QĐ-CĐKT ngày 18 tháng 7 năm 2024 ban hành Quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp và trình độ sơ cấp.

Điều 3. Khi các văn bản dẫn chiếu tại Quyết định và Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới đó.

Điều 4. Trưởng các đơn vị thuộc Trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Sở GD&ĐT tỉnh Quảng Ngãi (để b/c);
- UBND các xã, phường (p/h);
- Đảng ủy Trường;
- Lãnh đạo Trường;
- Công đoàn Trường;
- Đoàn Trường;
- Hội Sinh viên Trường;
- Tổ QTHTTT (đăng Website Trường);
- Lưu: VT, QLKHCN.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Trí Khải

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
về hợp tác, liên kết đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định việc tổ chức thực hiện hoạt động hợp tác, liên kết đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp giữa Trường Cao đẳng Kon Tum (sau đây gọi tắt là Trường) với các đối tác trong nước, gồm: Phân công trách nhiệm; trình tự đề xuất, khảo sát, thẩm định, ký kết, tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá; quản lý nguồn lực; thông tin, báo cáo, công khai và xử lý vi phạm.

2. Nguyên tắc, nội dung, hình thức, yêu cầu, điều kiện hợp tác, liên kết đào tạo và quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia thực hiện theo Thông tư số 72/2026/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hợp tác, liên kết đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan. Quy định này quy định cụ thể những nội dung thuộc trách nhiệm tổ chức thực hiện của Trường.

3. Quy định này không áp dụng đối với hoạt động hợp tác, liên kết đào tạo có yếu tố nước ngoài, liên kết đào tạo trình độ đại học, liên thông lên đại học và các hoạt động không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 72/2026/TT-BGDĐT.

4. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác về điều kiện, trình tự, thủ tục hoặc thẩm quyền thực hiện hoạt động hợp tác, liên kết đào tạo thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

5. Hoạt động hợp tác ba bên tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 277/QĐ-CĐKT ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum ban hành Quy chế hợp tác toàn diện ba bên: Nhà trường - Chính quyền địa phương - Doanh nghiệp trong đào tạo và giải quyết việc làm tại các địa phương giai đoạn 2026-2030; những nội dung Quyết định số 277/QĐ-CĐKT không quy định thì thực hiện theo Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị thuộc Trường, nhà giáo, viên chức, người lao động, người học và cá nhân có liên quan đến hoạt động hợp tác và liên kết đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp.

2. Doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động hợp tác và liên kết với Trường.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Các từ ngữ *"hợp tác trong giáo dục nghề nghiệp", "liên kết thực hiện chương trình đào tạo cấp văn bằng, chứng chỉ", "liên kết để thành lập khoa, trung tâm hoặc đơn vị đào tạo chuyên môn", "đơn vị chủ trì liên kết đào tạo", "đơn vị phối hợp liên kết đào tạo"* được hiểu theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 72/2026/TT-BGDĐT. Trong hoạt động liên kết thực hiện chương trình đào tạo, Trường là đơn vị chủ trì liên kết đào tạo.

2. *Đào tạo tại doanh nghiệp* là việc Trường tổ chức cho người học thực hiện một phần nội dung của chương trình đào tạo tại doanh nghiệp hoặc địa điểm thực hành nghề nghiệp hợp pháp khác thuộc doanh nghiệp, dưới sự phối hợp quản lý, hướng dẫn, giám sát và đánh giá của Trường và doanh nghiệp theo kế hoạch đào tạo được phê duyệt.

3. *Đơn vị chủ trì hoạt động* là phòng, khoa hoặc đơn vị thuộc Trường được Hiệu trưởng giao chủ trì đề xuất, tổ chức thực hiện một hoạt động hợp tác, liên kết cụ thể. Trong Quy định này, trừ trường hợp ghi rõ "đơn vị chủ trì liên kết đào tạo", cụm từ "đơn vị chủ trì" được hiểu là đơn vị chủ trì hoạt động.

4. *Thực tập ảo* là hình thức người học tham gia các dự án thực tế của doanh nghiệp được giao khoán và đánh giá từ xa, áp dụng đối với ngành, nghề có tính chất làm việc trên môi trường số; thời gian thực tập ảo được tính vào thời lượng đào tạo tại doanh nghiệp theo điểm đ khoản 1 Điều 41 Quy chế đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 79/2026/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo[1] (sau đây gọi là Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 79/2026/TT-BGDĐT) khi được xác định trong chương trình, kế hoạch đào tạo được phê duyệt.

5. Các thuật ngữ khác được thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan.

6. Trong Quy định này, trừ trường hợp có quy định riêng, cụm từ *"doanh nghiệp"* tại Chương II, Chương IV, Chương V, Chương VI và Chương VII được hiểu bao gồm doanh nghiệp và các đối tác quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3 Thông tư số 72/2026/TT-BGDĐT.

7. Doanh nghiệp đã được Trường công nhận là cơ sở thực hành, thực tập trong năm học là doanh nghiệp có tên trong quyết định của Hiệu trưởng công nhận cơ sở thực hành, thực tập của năm học đó theo quy định về thực hành, thực tập của Trường ban hành kèm theo Quyết định số 945/QĐ-CĐKT ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Chương II

HỢP TÁC, LIÊN KẾT ĐÀO TẠO TRONG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Điều 4. Hợp tác trong giáo dục nghề nghiệp

[1] Thông tư số 79/2026/TT-BGDĐT có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 11 năm 2026.

1. Nguyên tắc, nội dung, hình thức và yêu cầu trong hợp tác thực hiện theo quy định tại các Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 72/2026/TT-BGDĐT, cụ thể như sau:

a) Nguyên tắc thực hiện hoạt động hợp tác:

- Thực hiện trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, tôn trọng quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của các bên; bảo đảm công khai, minh bạch trong quá trình tổ chức thực hiện;

- Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các bên tham gia; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người học và các bên có liên quan;

- Bảo đảm mục tiêu đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động và phát triển nguồn nhân lực;

- Bảo đảm thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan;

- Trường hợp hoạt động hợp tác đào tạo có sử dụng tài sản công thì phải tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; bảo đảm phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

b) Nội dung hợp tác bao gồm:

- Hợp tác trong phát triển chương trình đào tạo, mô hình học tập;

- Hợp tác trong tổ chức thực hành, thực tập;

- Hợp tác trong quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ đào tạo;

- Hợp tác bồi dưỡng, cập nhật kỹ năng nghề cho người học; bồi dưỡng, cập nhật, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng thực hành và tiếp cận công nghệ mới cho nhà giáo;

- Hợp tác ứng dụng nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo phục vụ hoạt động đào tạo, phát triển kỹ năng nghề và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;

- Hợp tác triển khai hoạt động đào tạo gắn với nhu cầu sử dụng lao động, đặt hàng đào tạo, tiếp nhận người học thực hành, thực tập, hỗ trợ tuyển dụng và giới thiệu việc làm cho người học.

c) Hình thức hợp tác: Hoạt động hợp tác được thực hiện thông qua thỏa thuận hoặc hợp đồng hợp tác bằng văn bản phù hợp với nội dung, phạm vi hợp tác theo quy định của pháp luật.

d) Yêu cầu chung đối với các bên tham gia hợp tác:

- Được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;

- Có chức năng, nhiệm vụ hoặc lĩnh vực hoạt động chuyên môn phù hợp với nội dung hợp tác;

- Có nhân lực, cơ sở vật chất, thiết bị hoặc các điều kiện cần thiết khác đáp ứng yêu cầu của nội dung hợp tác;

- Không thuộc trường hợp bị đình chỉ, giải thể, phá sản hoặc bị cấm thực hiện hoạt động liên quan đến nội dung hợp tác theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, điều kiện bảo đảm chất lượng và các nội dung đã cam kết trong quá trình thực hiện hoạt động hợp tác đào tạo.

đ) Yêu cầu đối với từng nội dung hợp tác:

- Hợp tác trong phát triển chương trình đào tạo, mô hình học tập phải bảo đảm nội dung hợp tác phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra và các yêu cầu khác (nếu có) của chương trình đào tạo; trường hợp chương trình đào tạo có chuẩn chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành thì phải phù hợp với chuẩn chương trình đó;

- Hợp tác trong tổ chức thực hành, thực tập phải bảo đảm đội ngũ giảng viên, giáo viên, người dạy nghề tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập đáp ứng chuẩn nghề nghiệp, tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; nội dung thực hành, thực tập phù hợp với chương trình đào tạo; hoạt động thực hành, thực tập được Trường quản lý, giám sát và đánh giá theo quy định;

- Hợp tác trong quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ đào tạo phải bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo; việc hợp tác không làm thay đổi trách nhiệm của Trường đối với việc tổ chức đào tạo và bảo đảm chất lượng đào tạo; việc quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan;

- Hợp tác bồi dưỡng, cập nhật kỹ năng nghề cho người học; bồi dưỡng, cập nhật, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng thực hành và tiếp cận công nghệ mới cho nhà giáo phải bảo đảm nội dung bồi dưỡng, cập nhật đối với người học phù hợp với chương trình đào tạo, yêu cầu về kỹ năng nghề và nhu cầu thực tế, đối với nhà giáo phù hợp với yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng thực hành và sự phát triển của kỹ thuật, khoa học công nghệ; hoạt động được tổ chức phù hợp với đối tượng tham gia, nội dung, mục tiêu và điều kiện thực tế của các bên; kết quả bồi dưỡng, cập nhật được quản lý, sử dụng hoặc công nhận theo quy định của pháp luật;

- Hợp tác ứng dụng nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo phục vụ hoạt động đào tạo thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và pháp luật có liên quan;

- Hợp tác triển khai hoạt động đào tạo gắn với nhu cầu sử dụng lao động, thực hành, thực tập, hỗ trợ tuyển dụng và giới thiệu việc làm cho người học phải bảo đảm nội dung hợp tác phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động và yêu cầu kỹ năng nghề của doanh nghiệp; trường hợp người học trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc làm ra sản phẩm tại doanh nghiệp thì chế độ hỗ trợ, tiền công hoặc quyền lợi của người học phải được thỏa thuận cụ thể theo quy định của pháp luật;

- Hoạt động hợp tác đào tạo đối với ngành, nghề đào tạo đặc thù phải tuân thủ các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

2. Hoạt động hợp tác của Trường còn phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Mỗi hoạt động hợp tác phải có đơn vị chủ trì và được xác lập bằng thỏa thuận hoặc hợp đồng theo quy định tại Điều 14 của Quy định này;

b) Phòng Quản lý Đào tạo và Bảo đảm chất lượng (QLĐT&BĐCL) là đơn vị chủ trì hoạt động hợp tác phát triển chương trình đào tạo, mô hình học tập; chủ trì đề xuất, tham mưu Hiệu trưởng ký kết và tổ chức thực hiện nội dung hợp tác; các khoa phối hợp về chuyên môn ngành, nghề; phòng Quản lý khoa học công nghệ và Hợp tác phát triển (QLKHCN&HTPT) phối hợp kết nối doanh nghiệp, đối tác; việc ban hành, điều chỉnh chương trình đào tạo thực hiện theo quy định của Trường về chương trình đào tạo;

c) Hợp tác có sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị, tài sản công của Trường phải có ý kiến của phòng Tài chính – Kế toán (TC-KT), phòng Tổng hợp – Hành chính và Quản trị (TH-HC&QT) và được Hiệu trưởng phê duyệt trước khi thực hiện;

d) Hợp tác tổ chức thực hành, thực tập, đào tạo tại doanh nghiệp thực hiện theo Điều 7 của Quy định này;

đ) Hợp tác ứng dụng nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo thực hiện theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về quản lý khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của Trường;

e) Trường hợp hợp tác dưới hình thức tổ chức đào tạo để cấp văn bằng, chứng chỉ hoặc thành lập khoa, trung tâm, đơn vị đào tạo chuyên môn thì thực hiện theo quy định về liên kết đào tạo tại Điều 5, Điều 6 của Quy định này.

3. Trường khuyến khích các đơn vị thuộc Trường chủ động tìm kiếm, mở rộng hợp tác với doanh nghiệp gắn với nhu cầu sử dụng lao động theo quy định của pháp luật.

4. Căn cứ nhu cầu đào tạo và khả năng của doanh nghiệp, đơn vị chủ trì chủ động đề xuất với doanh nghiệp các hoạt động hợp tác được Nhà nước khuyến khích theo khoản 1 Điều 4 Nghị định số 308/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp về chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp, trong đó ưu tiên:

a) Tham gia xây dựng, rà soát, đề xuất cập nhật danh mục ngành, nghề đào tạo, chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra, giáo trình, học liệu số;

b) Đầu tư, tài trợ, chia sẻ, khai thác, sử dụng chung cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, nền tảng số, học liệu số;

c) Đặt hàng đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động của doanh nghiệp;

d) Tiếp nhận nhà giáo, học sinh, sinh viên tham quan, thực hành, thực tập; cử chuyên gia, người lao động có trình độ chuyên môn tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập, bồi dưỡng nhà giáo;

đ) Tham gia đánh giá kết quả học tập, đánh giá kỹ năng nghề, đánh giá chuẩn đầu ra và các hoạt động bảo đảm, kiểm định chất lượng đào tạo;

e) Hỗ trợ ươm tạo ý tưởng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; cấp học bổng, hỗ trợ chi phí đào tạo cho người học;

g) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng xanh, kỹ năng nghề mới;

h) Việc cử nhà giáo thực tập, cập nhật kỹ năng nghề tại doanh nghiệp thực hiện theo quy định về chế độ làm việc của nhà giáo của Trường; khoa đề xuất, phòng QLKHCN&HTPT kết nối doanh nghiệp.

5. Doanh nghiệp hợp tác với Trường được hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi theo khoản 2 Điều 4 Nghị định số 308/2026/NĐ-CP. Khi doanh nghiệp có đề nghị, phòng QLKHCN&HTPT chủ trì, phối hợp với đơn vị chủ trì cung cấp thông tin, văn bản xác nhận kết quả hợp tác để doanh nghiệp thực hiện thủ tục hưởng chính sách theo quy định; nội dung xác nhận phải đúng với khối lượng, kết quả thực tế đã thực hiện.

Điều 5. Liên kết thực hiện chương trình đào tạo cấp văn bằng, chứng chỉ

1. Nguyên tắc, phương thức tổ chức, việc tổ chức thực hiện, hợp đồng liên kết và địa điểm tổ chức liên kết thực hiện chương trình đào tạo thực hiện theo quy định tại các Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Thông tư số 72/2026/TT-BGDĐT. Liên kết thực hiện chương trình đào tạo được áp dụng đối với các chương trình đào tạo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 6 Luật Giáo dục nghề nghiệp (trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, chương trình giáo dục trung học nghề và trình độ sơ cấp) mà Trường được phép đào tạo; được tổ chức theo hình thức đào tạo chính quy hoặc hình thức đào tạo thường xuyên theo quy chế đào tạo đối với từng trình độ; tổ chức đào tạo phải bảo đảm điều kiện tối thiểu về chương trình, đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất, thiết bị theo quy định. Trường hợp tổ chức theo phương thức đào tạo từ xa hoặc trực tiếp kết hợp đào tạo từ xa, các bên phải bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin, học liệu, hệ thống quản lý học tập, kiểm tra, đánh giá và thực hiện đầy đủ nội dung thực hành, thực tập, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; không áp dụng đối với các ngành, nghề quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Thông tư số 72/2026/TT-BGDĐT. Liên kết ngành Giáo dục Mầm non (GDMN) chỉ tổ chức trực tiếp, thực hiện theo quy chế tuyển sinh, đào tạo ngành GDMN hiện hành.

2. Đối với mỗi chương trình liên kết, Hiệu trưởng giao một khoa làm đơn vị chủ trì; phòng QLĐT&BĐCL là đơn vị quản lý chuyên môn; phòng QLKHCN&HTPT là đơn vị đầu mối theo dõi, tổng hợp.

3. Trước khi ký hợp đồng liên kết, đơn vị chủ trì phối hợp với phòng QLĐT&BĐCL lập kế hoạch liên kết đào tạo, trong đó xác định tối thiểu: Ngành, nghề, trình độ đào tạo; chỉ tiêu tuyển sinh thuộc kế hoạch tuyển sinh của Trường;

phương thức tổ chức đào tạo; địa điểm đào tạo thuộc phạm vi được cấp phép; phân định nội dung đào tạo do Trường và đơn vị phối hợp liên kết đào tạo thực hiện; dự toán thu, chi. Kế hoạch tổ chức liên kết thực hiện chương trình đào tạo được lập theo mẫu tại Phụ lục XIII kèm theo Quy định này (kèm Biểu 1 – Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý; Biểu 2 – Danh mục cơ sở vật chất, thiết bị; Biểu 3 – Tiến độ đào tạo); dự thảo kế hoạch là thành phần của hồ sơ đề xuất, được hoàn thiện sau khi ký hợp đồng liên kết và trình Hiệu trưởng ban hành.

4. Hợp đồng liên kết đào tạo được lập theo mẫu Hợp đồng liên kết thực hiện chương trình đào tạo tại Phụ lục VI kèm theo Quy định này, bảo đảm đủ các nội dung tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 72/2026/TT-BGDĐT. Đối với mô hình đào tạo "Một chương trình – Hai địa điểm", cần xác định rõ nội dung đào tạo thực hiện tại từng địa điểm và trách nhiệm của mỗi bên. Trước khi trình Hiệu trưởng ký, dự thảo hợp đồng phải có ý kiến của phòng TC-KT về cơ chế tài chính (nếu có) và các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Trước khi quyết định tuyển sinh, phòng QLĐT&BĐCL chủ trì, phối hợp với đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp liên kết đào tạo rà soát, lập biên bản xác nhận việc đáp ứng các điều kiện thực hiện liên kết đào tạo theo mẫu Biên bản rà soát điều kiện thực hiện liên kết đào tạo trước khi tuyển sinh tại Phụ lục IX kèm theo Quy định này; chỉ trình Hiệu trưởng quyết định tuyển sinh khi bảo đảm đầy đủ các điều kiện theo khoản 4 Điều 16 Thông tư số 72/2026/TT-BGDĐT. Trường hợp ngành, nghề liên kết thuộc nhóm ngành, nhóm nghề đã được cấp phép nhưng chưa được thể hiện trong hồ sơ cấp phép, chậm nhất 30 ngày trước khi thông báo tuyển sinh lần đầu, phòng QLĐT&BĐCL tham mưu Trường tự đánh giá việc đáp ứng các điều kiện bảo đảm hoạt động và gửi văn bản theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I Nghị định số 361/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và kiểm định chất lượng giáo dục đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo khoản 4 Điều 10 Nghị định số 361/2026/NĐ-CP; đối với ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe đồng thời gửi cơ quan quản lý chuyên môn.

6. Phòng QLĐT&BĐCL đăng ký, cập nhật thông tin về hoạt động liên kết đào tạo vào hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp trước khi tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cập nhật kịp thời khi có thay đổi về đơn vị phối hợp, địa điểm, chương trình, quy mô đào tạo hoặc khi tạm dừng, chấm dứt liên kết; đồng thời chủ trì cung cấp nội dung, phối hợp với Tổ Quản trị hệ thống thông tin đăng tải công khai thông tin trên trang thông tin điện tử của Trường; phòng QLKHCN&HTPT phối hợp cung cấp thông tin về đối tác theo khoản 5 Điều 16 Thông tư số 72/2026/TT-BGDĐT. Kể từ ngày Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 79/2026/TT-BGDĐT có hiệu lực thi hành (ngày 10 tháng 11 năm 2026), minh chứng về việc đáp ứng các yêu cầu tối thiểu đối với liên kết đào tạo được công khai chậm nhất 45 ngày trước khi tổ chức đào tạo theo điểm e khoản 3 Điều 46 của Quy chế đó.

7. Người học theo học chương trình liên kết là người học của Trường, được quản lý theo Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2026

của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác sinh viên và Quy định công tác sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1457/QĐ-CĐKT ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum; phòng Tổ chức cán bộ và Công tác học sinh – sinh viên (TCCB&CTHSSV) phối hợp với đơn vị chủ trì thực hiện.

8. Việc tổ chức liên kết đào tạo tại địa điểm ngoài địa điểm đã được cấp phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Trường phải bảo đảm:

a) Chỉ tổ chức một số mô đun, môn học, thực hành, thực tập không quá 30% tổng khối lượng kiến thức chương trình đào tạo hoặc thuộc trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định phải thực hành, thực tập ngoài trường theo khoản 4 Điều 9 Nghị định số 361/2026/NĐ-CP; trường hợp vượt quá giới hạn này thì phải hoàn thành thủ tục đăng ký điều chỉnh, bổ sung cấp phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với địa điểm đó theo điểm c khoản 3 Điều 9 Nghị định số 361/2026/NĐ-CP trước khi tuyển sinh, tổ chức đào tạo;

b) Địa điểm đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí, điều kiện bảo đảm chất lượng quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 361/2026/NĐ-CP; hợp đồng, thỏa thuận với tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm phải xác định rõ nội dung đào tạo, trách nhiệm quản lý người học, người hướng dẫn, điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị, an toàn và việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập;

c) Việc tuyển sinh, quản lý người học, tổ chức đào tạo, kiểm tra, đánh giá và cấp văn bằng, chứng chỉ do Trường thực hiện thống nhất; địa điểm liên kết không được tổ chức tuyển sinh, quản lý người học, cấp văn bằng, chứng chỉ độc lập theo khoản 3 Điều 15 Nghị định số 361/2026/NĐ-CP;

d) Phòng QLĐT&BĐCL kê khai, cập nhật dữ liệu về địa điểm tổ chức đào tạo vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp trước khi tổ chức đào tạo theo khoản 6 Điều 15 Nghị định số 361/2026/NĐ-CP;

đ) Khi phát hiện địa điểm không còn đáp ứng yêu cầu, đơn vị chủ trì báo cáo Hiệu trưởng để chấm dứt việc tổ chức đào tạo tại địa điểm đó, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người học và báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo khoản 4 Điều 15 Nghị định số 361/2026/NĐ-CP.

9. Phòng QLĐT&BĐCL chủ trì tham mưu kế hoạch, chỉ tiêu, xét tuyển và tham mưu Hiệu trưởng ban hành quyết định trúng tuyển, mở lớp, công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ đối với chương trình liên kết; phòng QLKHCN&HTPT chủ trì công tác tư vấn hướng nghiệp, tuyển sinh và thu nhận hồ sơ tuyển sinh theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Việc tổ chức kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô đun và xét công nhận tốt nghiệp đối với chương trình liên kết do Trường chủ trì thực hiện theo quy chế đào tạo của Trường; đề thi, đáp án và việc chấm thi do Trường chịu trách nhiệm; đơn vị phối hợp liên kết đào tạo tham gia theo nội dung được phân công trong hợp đồng liên kết đào tạo. Văn bằng, chứng chỉ do Trường cấp cho người học đủ điều kiện theo quy định.

10. Trình tự thực hiện liên kết thực hiện chương trình đào tạo:

a) Khoa hoặc đơn vị chủ trì lập hồ sơ đề xuất gửi phòng QLĐT&BĐCL, đồng gửi phòng QLKHCN&HTPT để theo dõi. Hồ sơ gồm: Phiếu đề xuất (Phụ lục I); văn bản đề nghị và hồ sơ pháp lý của đơn vị phối hợp liên kết đào tạo; Phiếu khảo sát, đánh giá đối tác (Phụ lục II); thuyết minh điều kiện bảo đảm chất lượng về đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm đào tạo; dự thảo kế hoạch tổ chức liên kết (Phụ lục XIII); dự thảo hợp đồng liên kết (Phụ lục VI);

b) Phòng QLĐT&BĐCL chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định hồ sơ theo Phiếu thẩm định (Phụ lục III) và kiểm tra thực tế điều kiện bảo đảm chất lượng tại địa điểm dự kiến đào tạo; tổng hợp kết quả, báo cáo Hiệu trưởng;

c) Hiệu trưởng xem xét, phê duyệt chủ trương liên kết đào tạo trên cơ sở kết quả thẩm định;

d) Các bên đàm phán, ký hợp đồng liên kết đào tạo theo khoản 4 Điều này; đơn vị chủ trì hoàn thiện kế hoạch tổ chức liên kết, trình Hiệu trưởng ban hành;

đ) Phòng QLĐT&BĐCL tổ chức rà soát điều kiện theo khoản 5 Điều này, công khai thông tin và đăng ký dữ liệu theo khoản 6 Điều này, trình Hiệu trưởng ban hành thông báo tuyển sinh;

e) Trong quá trình đào tạo, khoa chủ trì chuyên môn báo cáo tiến độ, chất lượng đào tạo định kỳ hằng học kỳ; khi kết thúc khóa học, báo cáo tổng kết về phòng QLĐT&BĐCL để tổng hợp, lưu trữ hồ sơ.

11. Thông báo tuyển sinh liên kết đào tạo do Hiệu trưởng ban hành sau khi đã rà soát, bảo đảm đầy đủ các điều kiện thực hiện liên kết; nêu rõ tên ngành, nghề, trình độ, hình thức và phương thức đào tạo, địa điểm đào tạo, đối tượng và hình thức tuyển sinh, văn bằng, chứng chỉ được cấp, học phí và các khoản thu khác (nếu có).

12. Tạm dừng, chấm dứt liên kết thực hiện chương trình đào tạo:

a) Trường tạm dừng tuyển sinh liên kết khi đơn vị phối hợp liên kết đào tạo không còn đáp ứng điều kiện bảo đảm chất lượng đã cam kết hoặc khi phát hiện vi phạm quy định của pháp luật về liên kết đào tạo; việc tạm dừng được thông báo bằng văn bản cho đơn vị phối hợp và người học;

b) Hợp đồng liên kết đào tạo được chấm dứt trước thời hạn khi các bên thỏa thuận, khi một bên không khắc phục được điều kiện bảo đảm chất lượng trong thời hạn đã thông báo hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Khi tạm dừng hoặc chấm dứt liên kết, Trường tiếp tục tổ chức đào tạo hoặc bố trí phương án chuyển tiếp để người học hoàn thành chương trình đào tạo; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người học về học phí, kết quả học tập đã tích lũy và công nhận tốt nghiệp; báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp.

13. Hồ sơ liên kết đào tạo gồm: Hợp đồng liên kết đào tạo và phụ lục hợp đồng; hồ sơ chứng minh điều kiện bảo đảm chất lượng; kế hoạch, tiến độ đào tạo; hồ sơ tuyển sinh, tổ chức đào tạo, kiểm tra, đánh giá, công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng, chứng chỉ; hồ sơ công khai thông tin, cập nhật dữ liệu và báo cáo. Phòng

QLĐT&BĐCL lưu trữ hồ sơ theo quy định về văn thư, lưu trữ; cung cấp thông tin, hồ sơ khi cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát.

Điều 6. Liên kết để thành lập khoa, trung tâm hoặc đơn vị đào tạo chuyên môn

1. Việc liên kết để thành lập khoa, trung tâm hoặc đơn vị đào tạo chuyên môn thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Thông tư số 72/2026/TT-BGDĐT, pháp luật về tổ chức bộ máy, cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, quản lý, sử dụng tài sản công, tài chính, sở hữu trí tuệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.

2. Phòng TCCB&CTHSSV chủ trì, phối hợp với phòng QLKHCN&HTPT và các đơn vị có liên quan xây dựng đề án, tham mưu Hiệu trưởng quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định. Việc thành lập khoa, đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Trường thực hiện theo Điều 21 Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.

3. Văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng liên kết được lập theo mẫu Thỏa thuận liên kết thành lập khoa, trung tâm hoặc đơn vị đào tạo chuyên môn tại Phụ lục VIII kèm theo Quy định này, có đủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 72/2026/TT-BGDĐT và được thẩm định theo Điều 14 của Quy định này trước khi ký kết.

4. Khoa, trung tâm hoặc đơn vị đào tạo chuyên môn được thành lập theo hình thức liên kết là đơn vị thuộc Trường, không làm phát sinh pháp nhân mới, hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ do Hiệu trưởng quy định.

5. Phòng TCCB&CTHSSV chủ trì, phối hợp phòng QLKHCN&HTPT, Tổ Quản trị hệ thống thông tin công khai thông tin và cập nhật dữ liệu về hoạt động liên kết thành lập đơn vị theo điểm c khoản 1 Điều 18 Thông tư số 72/2026/TT-BGDĐT.

Điều 7. Đào tạo, thực hành, thực tập và thực tập ảo tại doanh nghiệp

1. Nguyên tắc tổ chức đào tạo, thực hành, thực tập tại doanh nghiệp

a) Hoạt động đào tạo, thực hành, thực tập tại doanh nghiệp phải bảo đảm thực hiện đầy đủ mục tiêu, chuẩn đầu ra, khối lượng kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp của chương trình đào tạo đối với từng trình độ, ngành, nghề đào tạo; phù hợp với kế hoạch đào tạo của Trường và nội dung hợp tác, liên kết đã được các bên thống nhất;

b) Nội dung đào tạo tại doanh nghiệp, thực hành, thực tập phải gắn với ngành, nghề đào tạo, vị trí việc làm, yêu cầu về năng lực nghề nghiệp, tiêu chuẩn kỹ năng nghề và điều kiện công nghệ, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thực tế của doanh nghiệp;

c) Việc tổ chức đào tạo tại doanh nghiệp, thực hành, thực tập phải bảo đảm sự phối hợp giữa Trường và doanh nghiệp trong quản lý, hướng dẫn, giám sát,

đánh giá người học; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người học;

d) Hoạt động đào tạo tại doanh nghiệp, thực hành, thực tập phải tuân thủ quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe và các quy định khác có liên quan.

2. Điều kiện tổ chức đào tạo tại doanh nghiệp, thực hành, thực tập

a) Doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức tiếp nhận người học được thành lập, hoạt động hợp pháp, có tư cách pháp nhân, có chức năng, ngành, nghề hoặc lĩnh vực hoạt động phù hợp với ngành, nghề đào tạo; có cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc, công nghệ, quy trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và môi trường làm việc đáp ứng yêu cầu thực hành nghề nghiệp của chương trình đào tạo và bảo đảm an toàn cho người học;

b) Có người được phân công hướng dẫn người học tại doanh nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn người dạy nghề theo Thông tư số 43/2026/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn người dạy nghề, có năng lực, kinh nghiệm thực tế và phù hợp với nội dung được phân công hướng dẫn;

c) Giữa Trường và doanh nghiệp có hợp đồng liên kết đào tạo, thỏa thuận hợp tác hoặc văn bản có giá trị pháp lý phù hợp, trong đó xác định rõ nội dung, trách nhiệm, quyền lợi của các bên về tổ chức đào tạo, quản lý người học, kiểm tra, đánh giá, kinh phí, chế độ hỗ trợ, an toàn, bảo hiểm cho người học và xử lý các vấn đề phát sinh;

d) Có kế hoạch tổ chức đào tạo tại doanh nghiệp, thực hành, thực tập được Trường xem xét, phê duyệt trước khi triển khai theo quy định về thực hành, thực tập của Trường, trong đó xác định rõ mục tiêu, nội dung, thời gian, địa điểm, số lượng người học, người hướng dẫn, phương thức quản lý, đánh giá và các điều kiện bảo đảm khác.

3. Nội dung và thời lượng đào tạo tại doanh nghiệp, thực hành, thực tập

a) Nội dung đào tạo tại doanh nghiệp tập trung vào thực hành, thực tập kỹ năng nghề, trải nghiệm môi trường sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thực tế; rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số, tác phong công nghiệp, văn hóa doanh nghiệp và năng lực thích ứng với công nghệ phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b) Thời lượng đào tạo tại doanh nghiệp, thực hành, thực tập được xác định trong chương trình và kế hoạch đào tạo của Trường, căn cứ đặc thù ngành, nghề, trình độ đào tạo và yêu cầu về năng lực nghề nghiệp; bảo đảm các quy định hiện hành về thời gian học tập, thời gian làm việc, nghỉ ngơi và an toàn cho người học;

c) Việc tổ chức có thể thực hiện theo từng đợt tập trung, theo mô hình đào tạo song hành, bố trí xen kẽ giữa Trường và doanh nghiệp hoặc theo hình thức phù hợp khác được xác định trong kế hoạch đào tạo;

d) Thời gian thực hành, thực tập tại doanh nghiệp được tính vào thời lượng

đào tạo theo chương trình và kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt.

4. Kiểm soát điều kiện trước khi đưa người học vào doanh nghiệp

a) Trước khi đưa người học đến doanh nghiệp để thực hành, thực tập hoặc tham gia đào tạo tại doanh nghiệp, đơn vị chủ trì hoạt động phải phối hợp với doanh nghiệp rà soát, xác nhận các điều kiện cần thiết theo khoản 2 Điều này và các điều kiện cụ thể của chương trình đào tạo; kết quả rà soát được lập thành văn bản theo mẫu Danh mục kiểm tra điều kiện trước khi đưa người học đến doanh nghiệp tại Phụ lục X kèm theo Quy định này; Phần A (điều kiện của doanh nghiệp) được lập cho mỗi doanh nghiệp, có giá trị trong năm học, lập lại khi điều kiện thay đổi; Phần B (thông tin từng đợt, lớp) được lập theo từng kế hoạch thực hành, thực tập; Phần B được đính kèm kế hoạch thực hành, thực tập;

b) Người học phải được cung cấp thông tin, hướng dẫn về nội dung, kế hoạch, nội quy của doanh nghiệp, quy trình làm việc, yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường, bảo mật thông tin và các quy định có liên quan trước khi tham gia hoạt động tại doanh nghiệp;

c) Chỉ đưa người học vào doanh nghiệp khi các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất, thiết bị, người hướng dẫn, nội dung đào tạo, kế hoạch tổ chức, an toàn và các điều kiện có liên quan đã được rà soát, bảo đảm theo quy định;

d) Trường hợp chưa bảo đảm điều kiện an toàn hoặc các điều kiện thiết yếu khác, Trường và doanh nghiệp phải kịp thời bổ sung, khắc phục hoặc điều chỉnh kế hoạch; không tổ chức cho người học tham gia hoạt động tại doanh nghiệp khi chưa bảo đảm điều kiện cần thiết.

5. Quản lý, hướng dẫn và giám sát người học

a) Trường phân công nhà giáo hoặc viên chức chuyên môn có năng lực phối hợp với người hướng dẫn của doanh nghiệp để quản lý, hướng dẫn, theo dõi tiến độ và hỗ trợ người học trong quá trình thực hành, thực tập hoặc đào tạo tại doanh nghiệp;

b) Doanh nghiệp bố trí người hướng dẫn, tạo điều kiện để người học tiếp cận quy trình công nghệ, máy móc, thiết bị và môi trường làm việc phù hợp với nội dung đào tạo; không giao cho người học thực hiện công việc vượt quá nội dung, yêu cầu đào tạo hoặc không bảo đảm an toàn;

c) Việc quản lý, theo dõi quá trình thực hành, thực tập được thực hiện bằng hồ sơ, nhật ký thực tập, nhật ký điện tử hoặc hình thức phù hợp khác; bảo đảm có đủ thông tin, dữ liệu và minh chứng phục vụ đánh giá kết quả học tập.

6. Kiểm tra, đánh giá và công nhận kết quả

a) Việc kiểm tra, đánh giá kết quả thực hành, thực tập và đào tạo tại doanh nghiệp được thực hiện theo chương trình đào tạo và quy định đào tạo của Trường; bảo đảm công khai, khách quan, công bằng và phù hợp với chuẩn đầu ra;

b) Việc đánh giá được thực hiện trên cơ sở phối hợp giữa nhà giáo của

Trường và người hướng dẫn của doanh nghiệp; tiêu chí, nội dung, phương thức và minh chứng đánh giá phải được lượng hóa bằng bảng kiểm năng lực và công khai cho người học trước khi triển khai; phiếu đánh giá thực hiện theo quy định về thực hành, thực tập và quy chế đào tạo của Trường, có thể tham khảo mẫu tại Phụ lục XI kèm theo Quy định này;

c) Đối với thực tập ảo, việc đánh giá căn cứ vào quá trình thực hiện nhiệm vụ, sản phẩm hoặc kết quả công việc, mức độ đáp ứng yêu cầu chuyên môn và các tiêu chí năng lực đã được xác định trong kế hoạch thực tập;

d) Kết quả đánh giá và các minh chứng liên quan phải được lưu trữ theo quy định của Trường; trường hợp sử dụng hệ thống số phải bảo đảm tính chính xác, toàn vẹn, an toàn và bảo mật dữ liệu.

7. Xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hành, thực tập và đào tạo tại doanh nghiệp

a) Trường và doanh nghiệp có trách nhiệm phối hợp kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến quyền, nghĩa vụ, kết quả học tập, an toàn, sức khỏe và quyền lợi hợp pháp của người học;

b) Khi xảy ra tai nạn, sự cố về an toàn, vi phạm nội quy hoặc các tình huống có nguy cơ ảnh hưởng đến người học, doanh nghiệp phải kịp thời thực hiện biện pháp xử lý ban đầu, thông báo cho Trường và phối hợp giải quyết theo quy định;

c) Trường có quyền yêu cầu doanh nghiệp tạm dừng việc bố trí người học thực hành, thực tập hoặc đào tạo tại doanh nghiệp khi phát hiện điều kiện không bảo đảm an toàn, chất lượng hoặc quyền lợi hợp pháp của người học; việc tiếp tục tổ chức chỉ được thực hiện sau khi nguyên nhân được khắc phục và các điều kiện cần thiết được bảo đảm;

d) Việc xác định trách nhiệm, bồi thường thiệt hại, hỗ trợ người học và các nội dung khác liên quan đến sự cố được thực hiện theo hợp đồng, thỏa thuận giữa các bên và quy định của pháp luật.

8. Đối với nội dung thực hành nghề nghiệp, thao tác nghề nghiệp hoặc nội dung đào tạo có yêu cầu trực tiếp sử dụng máy móc, thiết bị, công nghệ, việc kiểm tra, đánh giá phải được thực hiện theo hình thức phù hợp với yêu cầu của chương trình đào tạo và quy định về đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp.

9. Việc sử dụng nhật ký điện tử, hồ sơ năng lực số hoặc các nền tảng số để theo dõi quá trình học tập, thực hành, thực tập và đánh giá người học được khuyến khích thực hiện phù hợp với điều kiện của Trường và doanh nghiệp; dữ liệu phải được quản lý, lưu trữ, bảo mật theo quy định của pháp luật.

10. Trường hợp người học tham gia hoạt động thực tế của doanh nghiệp có tạo ra sản phẩm, dịch vụ hoặc tham gia lao động theo thỏa thuận giữa các bên thì việc trả tiền lương, tiền công, hỗ trợ hoặc các chế độ khác cho người học được thực hiện theo quy định của pháp luật và thỏa thuận hợp pháp giữa các bên; không làm thay đổi bản chất, mục tiêu của hoạt động đào tạo.

11. Trường hợp tổ chức đào tạo tại doanh nghiệp đối với các ngành, nghề đặc thù, việc tổ chức thực hiện được điều chỉnh phù hợp với chuẩn chương trình đào tạo, quy định chuyên ngành và điều kiện thực tế của hoạt động nghề nghiệp.

12. Không bố trí người học chưa đủ 18 tuổi thực hiện công việc hoặc làm việc tại nơi làm việc thuộc danh mục công việc, nơi làm việc cấm sử dụng người chưa thành niên theo quy định của pháp luật về lao động. Đối với ngành, nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, trước khi người học thực hành, thực tập tại doanh nghiệp, đơn vị chủ trì đề nghị và phối hợp với doanh nghiệp tổ chức hướng dẫn, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người học theo quy định trước khi bố trí công việc, phù hợp với công việc người học thực hiện; phòng QLKHCN&HTPT theo dõi, đôn đốc.

13. Kể từ ngày Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 79/2026/TT-BGDĐT có hiệu lực thi hành, việc tổ chức đào tạo tại doanh nghiệp thực hiện theo Điều 41 của Quy chế đó và Điều này.

14. Thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, thực tập sư phạm thực hiện theo Quyết định số 1690/QĐ-CĐKT ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum ban hành Quy định tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành, nghề sức khỏe, Quyết định số 1587/QĐ-CĐKT ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum ban hành Quy định thực tập sư phạm trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non và pháp luật chuyên ngành; Quy định này áp dụng đối với nội dung không được các văn bản đó quy định.

Điều 8. Quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia hợp tác, liên kết đào tạo

1. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trường và các bên tham gia hợp tác, liên kết đào tạo thực hiện theo quy định tại các Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Thông tư số 72/2026/TT-BGDĐT và được cụ thể hóa trong thỏa thuận, hợp đồng giữa các bên.

2. Việc thỏa thuận thu học phí và các khoản thu khác của người học theo khoản 1 Điều 14 Thông tư số 72/2026/TT-BGDĐT phải được phòng TC-KT thẩm định, Hiệu trưởng phê duyệt và công khai trước khi tuyển sinh.

3. Thỏa thuận về tiền lương, tiền công, hỗ trợ hoặc quyền lợi hợp pháp khác của người học, nhà giáo tham gia thực hành, thực tập, sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp theo khoản 2 Điều 14 Thông tư số 72/2026/TT-BGDĐT phải được ghi trong thỏa thuận, hợp đồng; đơn vị chủ trì có trách nhiệm phổ biến cho người học, nhà giáo trước khi triển khai.

4. Việc cấp văn bằng, chứng chỉ thực hiện theo quy chế đào tạo, không phụ thuộc nghĩa vụ dân sự của người học với bên thứ ba.

5. Trách nhiệm của doanh nghiệp, đối tác được xác lập trong thỏa thuận, hợp đồng theo quy định tại Điều 22 của Quy định này.

Chương III

NGUỒN LỰC VÀ QUỸ ĐÀO TẠO NHÂN LỰC CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 9. Thông tin, hướng dẫn và phối hợp tiếp nhận hỗ trợ từ Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp

1. Trường có trách nhiệm thông tin, hướng dẫn doanh nghiệp về cơ chế Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật khi doanh nghiệp có nhu cầu, trong đó có tiêu chí sử dụng tối thiểu 70% Quỹ hằng năm cho hoạt động giáo dục, đào tạo để được xem xét tôn vinh, khen thưởng theo khoản 1 Điều 5 Nghị định số 308/2026/NĐ-CP.

2. Doanh nghiệp quyết định việc thành lập, tổ chức quản lý, sử dụng Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, điều lệ hoặc quy chế của doanh nghiệp.

3. Trường được tiếp nhận tài trợ từ Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp có hợp tác với Trường theo điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 308/2026/NĐ-CP, gồm: Tài trợ cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập và hoạt động của Trường; tài trợ hoạt động thường xuyên của Trường; tài trợ các cuộc thi về các môn học được giảng dạy mà đối tượng dự thi là người học; tài trợ thành lập quỹ khuyến học theo quy định; tài trợ xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo theo đặt hàng của doanh nghiệp. Việc tiếp nhận được thực hiện trên cơ sở văn bản tài trợ, hợp đồng hoặc thỏa thuận hợp pháp; Trường không tiếp nhận khoản tài trợ để góp vốn, mua cổ phần.

4. Trường được ký hợp đồng đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ, đánh giá kỹ năng nghề, đánh giá năng lực cho người lao động của doanh nghiệp mà doanh nghiệp chi trả từ Quỹ đào tạo nhân lực theo điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 308/2026/NĐ-CP. Đơn vị chủ trì phối hợp với phòng TC-KT cung cấp hợp đồng, hóa đơn, chứng từ, danh sách và kết quả đào tạo để doanh nghiệp quản lý, hạch toán Quỹ theo quy định.

5. Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản hỗ trợ phải thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, tài sản công và các quy định có liên quan.

6. Trường không quản lý, điều hành, quyết định việc trích lập, phân bổ hoặc sử dụng Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp.

Điều 10. Huy động, tiếp nhận và sử dụng nguồn lực hỗ trợ của doanh nghiệp

1. Nguồn lực doanh nghiệp hỗ trợ cho Trường có thể bao gồm:

a) Kinh phí, học bổng và các khoản hỗ trợ hợp pháp khác;

b) Nguyên vật liệu, học liệu, phần mềm và các nguồn lực phục vụ đào tạo;

c) Chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý tham gia hoạt động đào tạo, hướng dẫn thực hành, thực tập;

d) Địa điểm, môi trường sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phục vụ tham quan,

trải nghiệm, thực hành, thực tập;

đ) Hỗ trợ người học, nhà giáo và các hoạt động giáo dục khác;

e) Các nguồn lực hợp pháp khác theo thỏa thuận giữa các bên.

2. Việc huy động, tiếp nhận và sử dụng nguồn lực phải được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, công khai, minh bạch, đúng mục đích, đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Đối với từng khoản hỗ trợ, các bên lập biên bản tiếp nhận, xác định rõ nội dung, giá trị hoặc phạm vi hỗ trợ, mục đích sử dụng, thời gian thực hiện, trách nhiệm của các bên và phương thức xử lý khi kết thúc hoạt động.

4. Trường hợp nguồn lực hỗ trợ thuộc đối tượng phải quản lý theo chế độ tài chính, kế toán hoặc tài sản công thì việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng và xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật tương ứng.

5. Việc tiếp nhận và sử dụng nguồn lực hỗ trợ không làm thay đổi quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm quản lý nhà nước, quản lý tài chính, tài sản và đào tạo của Trường theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Tham gia thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo cho doanh nghiệp

1. Trường tham gia thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo cho doanh nghiệp theo Điều 6 Nghị định số 308/2026/NĐ-CP đối với: Đào tạo trình độ sơ cấp cho người yếu thế; đào tạo các ngành, nghề ưu tiên hoặc khó xã hội hóa cho người lao động đã ký hợp đồng lao động với doanh nghiệp.

2. Phòng QLĐT&BĐCL chủ trì, phối hợp với phòng QLKHCN&HTPT theo dõi danh mục ngành, nghề được hỗ trợ đào tạo do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định; rà soát ngành, nghề Trường được cấp phép đào tạo để đăng ký tham gia và thông tin cho doanh nghiệp có nhu cầu.

3. Các khoa phối hợp với doanh nghiệp xác định nhu cầu đào tạo, hỗ trợ doanh nghiệp lập danh sách người lao động đăng ký đào tạo gửi cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 308/2026/NĐ-CP.

4. Việc nhận giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc tham gia đấu thầu cung cấp dịch vụ đào tạo sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công; phòng QLKHCN&HTPT chủ trì lập hồ sơ tham gia cung cấp dịch vụ công về đào tạo; phòng TC-KT chủ trì lập dự toán, phối hợp với đơn vị tổ chức đào tạo thực hiện thanh toán, quyết toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Người lao động thuộc đối tượng được hỗ trợ được đào tạo miễn phí theo khoản 2 Điều 6 Nghị định số 308/2026/NĐ-CP; kinh phí hỗ trợ đào tạo không bao gồm tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền đi lại của người học theo điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 308/2026/NĐ-CP.

6. Việc quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản thực hiện chính sách phải bảo

đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức; tiết kiệm, công khai, minh bạch, công bằng và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền theo khoản 2 Điều 3 Nghị định số 308/2026/NĐ-CP.

Chương IV

QUY TRÌNH THIẾT LẬP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN HỢP TÁC, LIÊN KẾT

Điều 12. Đề xuất và lập hồ sơ hợp tác, liên kết

1. Đơn vị chủ trì căn cứ chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo, nhu cầu của người học, nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp và yêu cầu thực tiễn để đề xuất hoạt động hợp tác, liên kết với doanh nghiệp.

2. Nội dung đề xuất tối thiểu gồm:

a) Sự cần thiết và mục tiêu của hoạt động hợp tác, liên kết;

b) Nội dung, hình thức và phạm vi hợp tác, liên kết;

c) Doanh nghiệp dự kiến hợp tác, liên kết và sự phù hợp của doanh nghiệp với nội dung hoạt động;

d) Đối tượng, số lượng người học hoặc đối tượng tham gia khác;

đ) Thời gian, địa điểm và phương thức tổ chức thực hiện;

e) Điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, công nghệ và các nguồn lực khác;

g) Dự kiến kinh phí, nguồn kinh phí và phương án quản lý, sử dụng nguồn lực;

h) Phân công trách nhiệm giữa Trường và doanh nghiệp;

i) Dự kiến kết quả, sản phẩm và hiệu quả của hoạt động.

3. Đơn vị chủ trì lập hồ sơ đề xuất theo mẫu Phiếu đề xuất hoạt động hợp tác, liên kết tại Phụ lục I kèm theo Quy định này và gửi phòng QLKHCN&HTPT để tổng hợp, chuyển các đơn vị chức năng có liên quan để phối hợp xem xét, thẩm định theo quy định; riêng hồ sơ liên kết thực hiện chương trình đào tạo gửi phòng QLĐT&BĐCL chủ trì thẩm định theo khoản 10 Điều 5 của Quy định này; hồ sơ hợp tác phát triển chương trình đào tạo, mô hình học tập gửi phòng QLĐT&BĐCL chủ trì theo điểm b khoản 2 Điều 4 của Quy định này.

4. Đối với hoạt động có yêu cầu lập đề án, dự án, phương án hoặc hồ sơ theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đơn vị chủ trì thực hiện theo quy định tương ứng.

5. Hồ sơ đề xuất là căn cứ để Trường xem xét việc lựa chọn doanh nghiệp, thẩm định, quyết định chủ trương và tổ chức các bước tiếp theo; không thay thế hồ sơ, hợp đồng hoặc văn bản pháp lý phải có theo quy định.

6. Hồ sơ hợp tác, liên kết được lập theo mức độ của hoạt động như sau:

a) Hoạt động tham quan, thực hành, thực tập, đào tạo tại doanh nghiệp đã được Trường công nhận là cơ sở thực hành, thực tập trong năm học; mời chuyên gia, hội thảo, trao đổi chuyên môn không phát sinh nghĩa vụ tài chính, tài sản: Thực hiện theo quy định về thực hành, thực tập của Trường và các quy định có liên quan, không phải lập Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III kèm theo Quy định này; kết quả được tổng hợp vào báo cáo theo Phụ lục XII kèm theo Quy định này;

b) Hoạt động hợp tác có ký kết biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác, đặt hàng đào tạo, tài trợ, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị: Lập Phụ lục I; Phụ lục II chỉ lập đối với doanh nghiệp, đối tác chưa được công nhận là cơ sở thực hành, thực tập và có tiếp nhận người học hoặc cung cấp địa điểm, cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ đào tạo; lập Phụ lục III khi hoạt động phát sinh nghĩa vụ tài chính, tài sản hoặc sử dụng tài sản công;

c) Hoạt động liên kết thực hiện chương trình đào tạo cấp văn bằng, chứng chỉ và liên kết thành lập khoa, trung tâm, đơn vị đào tạo chuyên môn: Lập đầy đủ hồ sơ theo Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III và Phụ lục VI hoặc Phụ lục VIII; đối với liên kết thực hiện chương trình đào tạo, lập thêm Phụ lục XIII và Phụ lục IX kèm theo Quy định này.

Điều 13. Khảo sát và đánh giá doanh nghiệp

1. Căn cứ hồ sơ đề xuất, nhu cầu hợp tác, liên kết, đơn vị chủ trì phối hợp với phòng QLKHCN&HTPT khảo sát, thu thập và đánh giá thông tin về doanh nghiệp dự kiến hợp tác, liên kết; kết quả khảo sát, đánh giá được lập theo mẫu Phiếu khảo sát, đánh giá doanh nghiệp/đối tác tại Phụ lục II kèm theo Quy định này. Doanh nghiệp đã được Trường công nhận là cơ sở thực hành, thực tập trong năm học thì sử dụng kết quả công nhận đó, chỉ khảo sát, đánh giá bổ sung các nội dung chưa được đánh giá, trừ hoạt động liên kết quy định tại điểm c khoản 6 Điều 12 của Quy định này, đối với hoạt động này phải lập đầy đủ Phụ lục II.

2. Nội dung khảo sát, đánh giá có thể gồm:

a) Ngành, nghề, lĩnh vực và quy mô hoạt động của doanh nghiệp;

b) Nhu cầu sử dụng và tuyển dụng nhân lực;

c) Năng lực sản xuất, kinh doanh, công nghệ và khả năng tiếp nhận người học;

d) Cơ sở vật chất, thiết bị, công nghệ và môi trường thực hành, thực tập;

đ) Đội ngũ chuyên gia, kỹ thuật viên, người hướng dẫn hoặc nhân sự tham gia hoạt động đào tạo;

e) Năng lực tài chính và khả năng thực hiện các cam kết;

g) Uy tín, kinh nghiệm và kết quả thực hiện các hoạt động hợp tác, liên kết trước đó, nếu có;

h) Các điều kiện khác phù hợp với nội dung hợp tác, liên kết.

3. Đối với doanh nghiệp tham gia tổ chức đào tạo, thực hành, thực tập cho người học, Trường phải đánh giá và xác định khả năng đáp ứng các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ, môi trường thực hành, thực tập, người hướng dẫn, điều kiện an toàn, vệ sinh lao động và các điều kiện khác theo chương trình đào tạo và quy định của pháp luật. Kết quả đánh giá là căn cứ để quyết định việc đưa người học vào đào tạo, thực hành, thực tập tại doanh nghiệp.

4. Kết quả khảo sát, đánh giá là căn cứ để đơn vị chủ trì đề xuất lựa chọn doanh nghiệp và hoàn thiện hồ sơ hợp tác, liên kết.

5. Trường không lựa chọn hoặc chấm dứt việc chuẩn bị hợp tác, liên kết đối với doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện cần thiết hoặc có nguy cơ ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người học, chất lượng đào tạo, an toàn, tài sản, uy tín của Trường hoặc không có khả năng thực hiện cam kết.

Điều 14. Thẩm định, quyết định và ký kết văn bản hợp tác, liên kết

1. Hồ sơ hợp tác, liên kết thuộc trường hợp phải lập Phụ lục III theo điểm b, điểm c khoản 6 Điều 12 của Quy định này được thẩm định theo chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị có liên quan theo mẫu Phiếu thẩm định hồ sơ hợp tác, liên kết tại Phụ lục III kèm theo Quy định này. Các đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm cho ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; đối với hồ sơ liên kết thực hiện chương trình đào tạo, liên kết thành lập khoa, trung tâm thời hạn cho ý kiến là 10 ngày làm việc. Đơn vị được giao chủ trì thẩm định là phòng QLKHCN&HTPT; là phòng QLĐT&BĐCL đối với hồ sơ liên kết thực hiện chương trình đào tạo và hồ sơ hợp tác phát triển chương trình đào tạo, mô hình học tập. Đơn vị được giao chủ trì thẩm định tổng hợp ý kiến, đôn đốc và báo cáo Hiệu trưởng khi quá hạn; đối với hồ sơ liên kết thực hiện chương trình đào tạo, phòng QLĐT&BĐCL đồng thời kiểm tra thực tế điều kiện tại địa điểm dự kiến đào tạo và báo cáo Hiệu trưởng.

2. Nội dung thẩm định tập trung vào:

a) Sự cần thiết, mục tiêu, nội dung và tính phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường;

b) Điều kiện chuyên môn và chất lượng đào tạo;

c) Tính pháp lý của doanh nghiệp và của hoạt động dự kiến thực hiện;

d) Điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, công nghệ và an toàn;

đ) Phương án tài chính, kinh phí và việc quản lý, sử dụng tài sản, nguồn lực;

e) Phân công trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của các bên;

g) Các điều kiện, rủi ro và phương án xử lý trong quá trình thực hiện.

3. Đối với hoạt động thuộc thẩm quyền của Trường, Hiệu trưởng hoặc người có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Trường.

4. Đối với hoạt động thuộc thẩm quyền của cơ quan, tổ chức hoặc người có thẩm quyền khác, Trường thực hiện trình, xin ý kiến hoặc đề nghị phê duyệt theo quy định trước khi tổ chức thực hiện.

5. Căn cứ tính chất, nội dung và mức độ ràng buộc của hoạt động, Trường và doanh nghiệp lựa chọn hình thức văn bản phù hợp, bao gồm:

a) Biên bản ghi nhớ hợp tác hoặc thỏa thuận hợp tác (Mẫu có tại Phụ lục IV kèm theo Quy định này);

b) Thỏa thuận hợp tác cụ thể theo từng hoạt động;

c) Hợp đồng đào tạo theo đặt hàng (Mẫu có tại Phụ lục V kèm theo Quy định này);

d) Hợp đồng liên kết thực hiện chương trình đào tạo (Mẫu có tại Phụ lục VI kèm theo Quy định này);

đ) Hợp đồng thực hành, thực tập và/hoặc thực hành, thực tập kết hợp sản xuất (Mẫu có tại Phụ lục VII kèm theo Quy định này);

e) Hợp đồng hoặc thỏa thuận tài trợ, hỗ trợ;

g) Thỏa thuận sử dụng, khai thác cơ sở vật chất, thiết bị;

h) Các hợp đồng, thỏa thuận hoặc văn bản khác theo quy định của pháp luật.

6. Việc ký kết văn bản hợp tác, liên kết phải đúng thẩm quyền; đơn vị, cá nhân được giao chủ trì nhưng không có thẩm quyền ký thì có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ và tham mưu người có thẩm quyền ký kết. Thẩm quyền ký kết được phân định như sau:

a) Hiệu trưởng ký biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác khung; hợp đồng liên kết thực hiện chương trình đào tạo; văn bản liên kết thành lập khoa, trung tâm hoặc đơn vị đào tạo chuyên môn; hợp đồng, thỏa thuận tài trợ, hỗ trợ;

b) Phó Hiệu trưởng ký các văn bản thuộc lĩnh vực được Hiệu trưởng ủy quyền bằng văn bản (hoặc theo quyết định phân công nhiệm vụ của Lãnh đạo Trường có nội dung ủy quyền ký hợp đồng), trong đó có hợp đồng đào tạo theo đặt hàng, hợp đồng thực hành, thực tập phát sinh nghĩa vụ tài chính thuộc lĩnh vực được phân công;

c) Trưởng khoa ký văn bản tiếp nhận người học tham quan, thực hành, thực tập tại doanh nghiệp không phát sinh nghĩa vụ tài chính, tài sản của Trường khi được Hiệu trưởng ủy quyền bằng văn bản; văn bản ủy quyền phải xác định rõ thời hạn, phạm vi nội dung được ủy quyền và người được ủy quyền không được ủy quyền lại;

d) Các văn bản hợp tác, liên kết khác không thuộc điểm a, điểm b, điểm c khoản này do Hiệu trưởng ký hoặc Phó Hiệu trưởng ký khi được Hiệu trưởng ủy quyền bằng văn bản theo lĩnh vực được phân công.

7. Không đơn vị, cá nhân nào được tự ý nhân danh Trường để cam kết nghĩa vụ tài chính, tài sản, nhân sự hoặc nghĩa vụ pháp lý khác với doanh nghiệp khi chưa được người có thẩm quyền cho phép.

8. Biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận hợp tác khung không thay thế hợp đồng hoặc thỏa thuận cụ thể đối với hoạt động làm phát sinh quyền, nghĩa vụ tài chính, tài sản hoặc trách nhiệm pháp lý cụ thể.

9. Các mẫu tại Phụ lục IV, V, VII, VIII, XI là mẫu tham khảo; đơn vị chủ trì được sử dụng mẫu của đối tác hoặc điều chỉnh, bảo đảm nội dung tối thiểu theo quy định và được thẩm định theo khoản 1 Điều này (đối với hồ sơ thuộc trường hợp phải lập Phụ lục III). Hợp đồng liên kết thực hiện chương trình đào tạo phải có đủ nội dung tối thiểu theo khoản 2 Điều 10 Thông tư số 72/2026/TT-BGDĐT.

Điều 15. Tổ chức thực hiện, kiểm tra và xử lý kết quả

1. Sau khi văn bản hợp tác, liên kết được ký kết hoặc hoạt động được cấp có thẩm quyền quyết định, đơn vị chủ trì có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện theo đúng nội dung đã được phê duyệt, thỏa thuận hoặc ký kết.

2. Trong quá trình thực hiện, đơn vị chủ trì có trách nhiệm:

a) Phối hợp với doanh nghiệp triển khai đúng tiến độ, nội dung và phạm vi đã thống nhất;

b) Theo dõi việc thực hiện trách nhiệm của các bên;

c) Quản lý, hỗ trợ và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người học;

d) Theo dõi việc sử dụng các nguồn lực, kinh phí, cơ sở vật chất, thiết bị và các điều kiện bảo đảm thực hiện;

đ) Kịp thời phát hiện, báo cáo và đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh.

3. Trường và doanh nghiệp thực hiện kiểm tra, đánh giá theo nội dung, tiến độ và phương thức đã thỏa thuận; trong đó chú trọng:

a) Tiến độ và chất lượng thực hiện;

b) An toàn trong đào tạo, thực hành, thực tập và các hoạt động liên quan;

c) Kết quả học tập, rèn luyện hoặc kết quả thực hiện nhiệm vụ của người học;

d) Việc thực hiện các cam kết về nhân lực, cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính và các nguồn lực khác;

đ) Kết quả tuyển dụng, việc làm hoặc các kết quả đầu ra khác, nếu có.

4. Khi phát hiện nội dung thực hiện không phù hợp với văn bản đã ký, đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp với doanh nghiệp xác định nguyên nhân, biện pháp khắc phục và báo cáo người có thẩm quyền đối với trường hợp vượt thẩm quyền.

5. Kết quả thực hiện phải được lưu trữ dưới dạng hồ sơ, biên bản, số liệu,

sản phẩm hoặc các minh chứng phù hợp để phục vụ công tác quản lý, báo cáo và đánh giá hiệu quả. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký, đơn vị chủ trì gửi 01 bản chính văn bản hợp tác, liên kết đã ký về Văn thư Trường (phòng TH-HC&QT) để lưu trữ theo quy định và 01 bản về phòng QLKHCN&HTPT để cập nhật cơ sở dữ liệu, theo dõi.

6. Việc điều chỉnh nội dung, tiến độ, kinh phí, trách nhiệm hoặc các nội dung khác của hoạt động hợp tác, liên kết phải được thực hiện theo thẩm quyền và theo quy định của văn bản đã ký, pháp luật có liên quan.

Điều 16. Theo dõi và đánh giá hiệu quả hợp tác, liên kết

1. Trường thực hiện theo dõi, tổng hợp và đánh giá hiệu quả hoạt động phối hợp, hợp tác và liên kết với doanh nghiệp trên cơ sở mục tiêu, kết quả đầu ra và các cam kết đã được xác lập.

2. Nội dung đánh giá có thể gồm:

a) Số lượng, phạm vi và chất lượng các hoạt động hợp tác, liên kết;

b) Số lượng và mức độ tham gia của doanh nghiệp;

c) Số lượng người học được tham quan, thực hành, thực tập, đào tạo hoặc tuyển dụng;

d) Mức độ tham gia của doanh nghiệp trong xây dựng, cập nhật chương trình đào tạo;

đ) Mức độ hỗ trợ về cơ sở vật chất, thiết bị, chuyên gia, học bổng và các nguồn lực khác;

e) Kết quả học tập, thực hành, thực tập và việc làm của người học;

g) Mức độ hài lòng của doanh nghiệp, người học và các bên liên quan;

h) Hiệu quả sử dụng nguồn lực và mức độ thực hiện cam kết của các bên;

i) Các kết quả, sản phẩm và chỉ số khác phù hợp với từng hoạt động.

3. Kết quả đánh giá được sử dụng để:

a) Cải tiến chương trình, phương thức tổ chức đào tạo và hoạt động hợp tác, liên kết;

b) Xác định nhu cầu tiếp tục, điều chỉnh, mở rộng hoặc chấm dứt hợp tác, liên kết;

c) Làm cơ sở xây dựng kế hoạch hợp tác, liên kết trong các năm tiếp theo;

d) Phục vụ công tác quản trị, báo cáo, kiểm tra và công khai theo quy định.

4. Các chỉ tiêu, chỉ số nội bộ của Trường được sử dụng cho mục đích quản trị, theo dõi và cải tiến hoạt động; không làm phát sinh nghĩa vụ đối với doanh nghiệp ngoài nội dung đã được các bên thỏa thuận hoặc quy định trong hợp đồng.

5. Kết quả đánh giá phải được tổng hợp, lưu trữ và sử dụng phù hợp với

quy định về thông tin, dữ liệu, báo cáo và bảo mật.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA TRƯỜNG, CÁC ĐƠN VỊ VÀ DOANH NGHIỆP

Điều 17. Trách nhiệm của phòng Quản lý khoa học công nghệ và Hợp tác phát triển

1. Phòng QLKHCN&HTPT (sau đây gọi là đơn vị đầu mối) là đầu mối tham mưu, giúp Hiệu trưởng thống nhất quản lý hoạt động hợp tác, liên kết giữa Trường với doanh nghiệp.

2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan:

a) Xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện kế hoạch hợp tác, liên kết với doanh nghiệp của Trường;

b) Tham mưu xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy trình và biểu mẫu phục vụ hoạt động hợp tác, liên kết;

c) Tổng hợp nhu cầu hợp tác, liên kết của các đơn vị thuộc Trường và thông tin về nhu cầu nhân lực, tuyển dụng, công nghệ của doanh nghiệp;

d) Hỗ trợ các đơn vị tìm kiếm, kết nối, khảo sát và xây dựng quan hệ hợp tác với doanh nghiệp;

đ) Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện các chương trình, thỏa thuận, hợp đồng hợp tác, liên kết;

e) Quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu nội bộ và cập nhật dữ liệu về hoạt động hợp tác trên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp theo khoản 4 Điều 19 Thông tư số 72/2026/TT-BGDĐT;

g) Tổng hợp kết quả, tham mưu đánh giá hiệu quả và đề xuất điều chỉnh, mở rộng hoặc chấm dứt hoạt động hợp tác, liên kết khi cần thiết;

h) Phối hợp với phòng QLĐT&BĐCL (đơn vị chủ trì tổ chức các hội đồng, ngân hàng đề thi) làm đầu mối kết nối, mời người sử dụng lao động, chuyên gia của doanh nghiệp tham gia Hội đồng đánh giá năng lực nghề nghiệp trong thực tập tốt nghiệp (bảo đảm ít nhất 50% thành viên là người sử dụng lao động, hiệp hội nghề nghiệp hoặc chuyên gia có kinh nghiệm thực tiễn), Hội đồng đánh giá năng lực nghề nghiệp để công nhận kết quả học tập, Ban chủ nhiệm xây dựng và Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, việc xây dựng ngân hàng đề thi đánh giá theo khoản 5 Điều 17, khoản 2 Điều 37, Điều 36 (đối với chương trình sơ cấp, đào tạo nghề khác) Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 79/2026/TT-BGDĐT (áp dụng kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2026; trước thời điểm này thực hiện theo quy định hiện hành) và quy định về xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng;

i) Tổng hợp, đề xuất Hiệu trưởng xác nhận kết quả hợp tác cho doanh nghiệp và đề nghị tôn vinh, khen thưởng doanh nghiệp theo khoản 5 Điều 4 và

khoản 2 Điều 29 của Quy định này;

k) Chủ trì tổ chức đàm phán, tham mưu ký kết văn bản hợp tác với doanh nghiệp, đối tác, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 và khoản 10 Điều 5 của Quy định này; phối hợp thực hiện thủ tục tiếp nhận tài trợ, viện trợ;

l) Phối hợp với các khoa tổ chức cho người học tham quan, thực hành, thực tập, thực tập kết hợp sản xuất tại doanh nghiệp; tư vấn việc làm, tổ chức ngày hội việc làm và kết nối tuyển dụng với doanh nghiệp đối tác;

m) Tổ chức khảo sát, lấy ý kiến doanh nghiệp, người học về hoạt động hợp tác, liên kết và chất lượng đào tạo; tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu của doanh nghiệp; tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động khi Trường đáp ứng điều kiện hoạt động huấn luyện theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;

n) Thực hiện đăng ký quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả, sản phẩm phát sinh từ hoạt động hợp tác, liên kết thuộc quyền của Trường; bảo đảm an toàn thông tin đối với cơ sở dữ liệu hợp tác, liên kết.

3. Là đầu mối phối hợp trao đổi thông tin với doanh nghiệp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao; trường hợp nội dung trao đổi liên quan đến chuyên môn, tài chính, tài sản, nhân sự hoặc cam kết pháp lý thì phối hợp với đơn vị có chức năng để tham mưu theo thẩm quyền.

4. Chủ trì tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về hoạt động hợp tác, liên kết với doanh nghiệp và phối hợp thực hiện công khai thông tin theo quy định.

5. Không thay thế trách nhiệm chuyên môn của đơn vị đào tạo, trách nhiệm quản lý tài chính, tài sản, người học và các trách nhiệm khác của đơn vị được giao chủ trì từng hoạt động.

Điều 18. Trách nhiệm của phòng Quản lý Đào tạo và Bảo đảm chất lượng

1. Chủ trì tham mưu, hướng dẫn và kiểm tra các nội dung liên quan đến chuyên môn đào tạo, chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng trong hoạt động hợp tác, liên kết với doanh nghiệp.

2. Chủ trì, phối hợp với các khoa, bộ môn và doanh nghiệp:

a) Rà soát, cập nhật chương trình đào tạo trên cơ sở nhu cầu của thị trường lao động và ý kiến của doanh nghiệp;

b) Xây dựng, điều chỉnh kế hoạch đào tạo có nội dung thực hành, thực tập hoặc tổ chức đào tạo tại doanh nghiệp;

c) Tham mưu bảo đảm các điều kiện về đội ngũ nhà giáo, chương trình, cơ sở vật chất, thiết bị và các điều kiện khác phục vụ đào tạo;

d) Hướng dẫn việc quản lý, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học trong các hoạt động có sự tham gia của doanh nghiệp;

đ) Phối hợp đánh giá chất lượng, kết quả đào tạo và việc đáp ứng chuẩn đầu ra.

3. Đối với hoạt động liên kết đào tạo cấp văn bằng, chứng chỉ, thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn thuộc trách nhiệm của Trường theo quy định của pháp luật và hợp đồng liên kết đào tạo.

4. Phối hợp với đơn vị đầu mối trong việc tổng hợp, đánh giá ý kiến của doanh nghiệp về chương trình, chất lượng người học và nhu cầu tuyển dụng.

5. Chủ trì tham mưu hồ sơ đăng ký, đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp, hồ sơ đăng ký hoạt động liên kết đào tạo; kê khai, cập nhật địa điểm đào tạo theo Nghị định số 361/2026/NĐ-CP; chủ trì tham mưu kế hoạch, chỉ tiêu, xét tuyển; tham mưu công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ đối với chương trình liên kết.

6. Chủ trì tổ chức thi, kiểm tra và quản lý ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề thi đối với nội dung đào tạo tại địa điểm liên kết, doanh nghiệp; tham mưu thành lập các hội đồng đánh giá năng lực nghề nghiệp, hội đồng thẩm định chương trình đào tạo có thành viên là doanh nghiệp theo quy định.

7. Thực hiện chức năng pháp chế: Rà soát tính pháp lý của dự thảo hợp đồng, thỏa thuận hợp tác, liên kết (phối hợp với phòng TC-KT đối với nội dung tài chính, tài sản); đưa hoạt động hợp tác, liên kết vào kế hoạch tự kiểm tra, giám sát hằng năm của Trường; tham mưu công khai cam kết chất lượng và các điều kiện bảo đảm chất lượng đối với chương trình liên kết.

8. Chủ trì tham mưu, hướng dẫn các đơn vị thực hiện liên kết thực hiện chương trình đào tạo; tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế điều kiện bảo đảm chất lượng tại địa điểm dự kiến đào tạo; tham mưu Hiệu trưởng phê duyệt chủ trương, ký hợp đồng liên kết, ban hành kế hoạch tổ chức liên kết và thông báo tuyển sinh; tổng hợp báo cáo tiến độ, tổng kết khóa học, lưu trữ hồ sơ liên kết đào tạo; cung cấp số liệu về liên kết thực hiện chương trình đào tạo cho phòng QLKHCN&HTPT để tổng hợp báo cáo theo khoản 2 Điều 24 của Quy định này.

Điều 19. Trách nhiệm của phòng Tài chính - Kế toán

1. Tham mưu, hướng dẫn và kiểm soát việc quản lý tài chính trong hoạt động hợp tác, liên kết với doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và quy định của Trường.

2. Chủ trì hoặc phối hợp thực hiện:

a) Thẩm định hoặc tham gia thẩm định phương án tài chính, kinh phí của hoạt động hợp tác, liên kết theo chức năng;

b) Hướng dẫn việc lập dự toán, thu, chi, thanh toán, quyết toán và lưu trữ chứng từ;

c) Hướng dẫn việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản tài trợ, hỗ trợ bằng tiền và các nguồn lực có giá trị tài chính;

d) Phối hợp quản lý, hạch toán và theo dõi tài sản, thiết bị, nguồn lực được doanh nghiệp hỗ trợ, tài trợ hoặc chuyển giao theo quy định;

đ) Kiểm tra việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ hợp đồng, thỏa thuận hợp tác, liên kết;

e) Chủ trì lập dự toán, thanh toán, quyết toán kinh phí giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu đào tạo theo Điều 11 của Quy định này; hướng dẫn tiếp nhận, hạch toán tài trợ từ Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp và cung cấp chứng từ cho doanh nghiệp theo khoản 4 Điều 9 của Quy định này;

g) Chủ trì tham mưu mức học phí và các khoản thu khác (nếu có), chế độ cho nhà giáo, người học, phương thức phân phối, thanh toán, quyết toán kinh phí và việc quản lý, sử dụng tài sản công tham gia liên kết thực hiện chương trình đào tạo.

3. Đối với tài sản công, nguồn kinh phí nhà nước và các nguồn lực thuộc chế độ quản lý đặc thù, thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của cơ quan có thẩm quyền.

4. Không tự mình quyết định việc tiếp nhận, sử dụng hoặc cam kết các khoản hỗ trợ, tài trợ, tài sản hoặc nguồn lực của doanh nghiệp khi chưa có quyết định hoặc chấp thuận của người có thẩm quyền.

Điều 20. Trách nhiệm của khoa

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu đào tạo, chủ động đề xuất nội dung hợp tác, liên kết với doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về tính cần thiết, tính phù hợp chuyên môn của đề xuất.

2. Chủ trì hoặc phối hợp:

a) Khảo sát nhu cầu nhân lực, vị trí việc làm, công nghệ và yêu cầu kỹ năng nghề của doanh nghiệp;

b) Phối hợp xây dựng, cập nhật chương trình, nội dung và kế hoạch đào tạo;

c) Phối hợp tổ chức thực hành, thực tập, tham quan, trải nghiệm nghề nghiệp và các hoạt động đào tạo tại doanh nghiệp;

d) Phân công nhà giáo phụ trách và phối hợp với người hướng dẫn của doanh nghiệp trong quá trình tổ chức hoạt động;

đ) Quản lý, hỗ trợ và theo dõi người học trong phạm vi được giao;

e) Thu thập ý kiến của doanh nghiệp về kết quả học tập, kỹ năng nghề, thái độ nghề nghiệp và khả năng đáp ứng việc làm của người học;

g) Tổng hợp kết quả và minh chứng của hoạt động để báo cáo đơn vị đầu mối;

h) Quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị do doanh nghiệp tài trợ, cho mượn được Trường giao cho khoa; đề xuất nhu cầu hỗ trợ thiết bị, chuyên

gia từ doanh nghiệp phục vụ đào tạo.

3. Kịp thời báo cáo đơn vị quản lý và đơn vị đầu mối về những vấn đề phát sinh liên quan đến chất lượng đào tạo, an toàn, quyền lợi của người học, tiến độ thực hiện hoặc việc thực hiện cam kết của doanh nghiệp.

4. Không tự ý cam kết với doanh nghiệp về tài chính, tài sản, tuyển sinh, tuyển dụng, cấp văn bằng, chứng chỉ hoặc các nội dung vượt quá thẩm quyền.

5. Đối với chương trình liên kết thực hiện chương trình đào tạo do khoa phụ trách: Phối hợp tham mưu thông báo tuyển sinh; bố trí nhà giáo, xây dựng kế hoạch, tiến độ đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng chuyên môn; báo cáo tiến độ, chất lượng đào tạo định kỳ hằng học kỳ và báo cáo tổng kết khi kết thúc khóa học về phòng QLĐT&BĐCL.

Điều 21. Trách nhiệm của các đơn vị khác thuộc Trường

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, các đơn vị thuộc Trường có trách nhiệm phối hợp thực hiện hoạt động hợp tác, liên kết với doanh nghiệp.

2. Đơn vị được giao nhiệm vụ có trách nhiệm:

a) Cung cấp thông tin, hồ sơ và ý kiến chuyên môn theo yêu cầu của đơn vị chủ trì;

b) Tham gia thẩm định, kiểm tra, đánh giá hoạt động khi được phân công;

c) Thực hiện các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ được giao, trong đó: Phòng TH-HC&QT phụ trách thể thức văn bản, văn thư, lưu trữ, quản lý tài sản, cơ sở vật chất, an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy, phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng liên kết đào tạo và các điều kiện bảo đảm chất lượng tại địa điểm liên kết đào tạo; phòng TCCB&CTHSSV phụ trách tổ chức, nhân sự và công tác học sinh, sinh viên; Tổ Quản trị hệ thống thông tin phụ trách đăng tải thông tin và quản trị, vận hành trang thông tin điện tử của Trường; các đơn vị khác theo lĩnh vực được giao;

d) Phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

3. Việc phối hợp giữa các đơn vị phải bảo đảm rõ đầu mối, rõ trách nhiệm, không chồng chéo và không làm phát sinh thủ tục nội bộ không cần thiết.

4. Đơn vị được giao phối hợp không được tự ý nhân danh Trường cam kết với doanh nghiệp những nội dung vượt quá chức năng, nhiệm vụ hoặc thẩm quyền được giao.

Điều 22. Trách nhiệm của doanh nghiệp, đối tác

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp, đối tác thực hiện theo quy định tại các Điều 15, Điều 17 và Điều 18 Thông tư số 72/2026/TT-BGDĐT, quy định của pháp luật có liên quan và được xác lập cụ thể trong thỏa thuận, hợp đồng với Trường.

2. Khi đàm phán, đơn vị chủ trì có trách nhiệm đưa vào thỏa thuận, hợp đồng tối thiểu các nghĩa vụ sau của doanh nghiệp, đối tác:

a) Bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị, người hướng dẫn và môi trường thực hành, thực tập theo yêu cầu của chương trình đào tạo;

b) Bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy, chữa cháy; phổ biến nội quy, quy trình an toàn cho người học; thông báo kịp thời và phối hợp xử lý khi xảy ra tai nạn, sự cố;

c) Phối hợp quản lý, đánh giá và xác nhận kết quả thực hành, thực tập của người học;

d) Thực hiện chế độ tiền lương, tiền công, hỗ trợ đối với người học khi tham gia làm ra sản phẩm theo thỏa thuận;

đ) Thực hiện các cam kết về tuyển dụng, học bổng, tài trợ, hỗ trợ nguồn lực (nếu có);

e) Bảo mật thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ;

g) Cung cấp thông tin, minh chứng phục vụ theo dõi, đánh giá, báo cáo; thông báo kịp thời khi có thay đổi ảnh hưởng đến việc thực hiện cam kết.

3. Quy định này không làm phát sinh nghĩa vụ của doanh nghiệp, đối tác ngoài phạm vi pháp luật quy định và thỏa thuận, hợp đồng đã ký kết.

Chương VI

THÔNG TIN, DỮ LIỆU, BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI

Điều 23. Quản lý, cập nhật và sử dụng dữ liệu hợp tác, liên kết

1. Trường xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động hợp tác, liên kết, bao gồm:

a) Thông tin về doanh nghiệp và các đối tác hợp tác, liên kết;

b) Biên bản ghi nhớ, thỏa thuận, hợp đồng và các văn bản có liên quan;

c) Chương trình, kế hoạch đào tạo theo đặt hàng, hợp tác, liên kết đào tạo;

d) Người học tham gia thực hành, thực tập, đào tạo tại doanh nghiệp;

đ) Chuyên gia, người dạy nghề, người hướng dẫn của doanh nghiệp;

e) Nguồn lực do doanh nghiệp huy động, hỗ trợ hoặc tham gia;

g) Máy móc, thiết bị, tài sản và các nguồn lực khác được doanh nghiệp hỗ trợ, tài trợ hoặc bàn giao cho Trường;

h) Kết quả tuyển dụng, việc làm và các kết quả đầu ra khác;

i) Kết quả thực hiện, đánh giá hiệu quả hợp tác, liên kết;

k) Các thông tin, dữ liệu khác phục vụ quản lý theo quy định.

2. Đơn vị đầu mối và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm cập nhật, kiểm tra, khai thác và cung cấp dữ liệu thuộc phạm vi được giao; bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời và có khả năng kiểm tra, đối chiếu.

3. Việc thu thập, sử dụng, lưu trữ, cung cấp và chia sẻ dữ liệu, đặc biệt là dữ liệu cá nhân, chỉ được thực hiện trong phạm vi cần thiết, đúng mục đích, đúng thẩm quyền và theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo mật thông tin, sở hữu trí tuệ và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Dữ liệu hợp tác, liên kết là căn cứ phục vụ theo dõi, đánh giá hiệu quả, lập kế hoạch, báo cáo, kiểm tra và cải tiến hoạt động hợp tác, liên kết của Trường.

Điều 24. Chế độ báo cáo

1. Các đơn vị chủ trì hoặc tham gia hoạt động hợp tác, liên kết có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện theo yêu cầu của Trường và theo thỏa thuận, hợp đồng đã ký; thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu. Định kỳ hằng năm, trước ngày 15 tháng 12, các đơn vị chủ trì gửi báo cáo kết quả hợp tác, liên kết của năm về phòng QLKHCN&HTPT theo mẫu Báo cáo kết quả hợp tác, liên kết trong giáo dục nghề nghiệp của đơn vị tại Phụ lục XII kèm theo Quy định này; số liệu tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 11, ước thực hiện đến ngày 31 tháng 12; các đơn vị cập nhật số liệu chính thức gửi phòng QLKHCN&HTPT chậm nhất ngày 05 tháng 01 năm sau.

2. Đơn vị đầu mối có trách nhiệm tổng hợp tình hình, kết quả hợp tác, liên kết; trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo, tham mưu Hiệu trưởng báo cáo tình hình hoạt động hợp tác, liên kết đào tạo của năm trước (tính đến ngày 31 tháng 12) theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 72/2026/TT-BGDĐT, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi theo quy định về chế độ báo cáo; số liệu về liên kết thực hiện chương trình đào tạo do phòng QLĐT&BĐCL tổng hợp, cung cấp. Trường hợp thông tin, dữ liệu đã được cập nhật đầy đủ trên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp thì không phải báo cáo lại các nội dung, dữ liệu đã có trên hệ thống, trừ trường hợp phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Nội dung báo cáo căn cứ vào yêu cầu quản lý và từng hoạt động cụ thể, trong đó khi cần thiết phản ánh:

a) Nội dung, hình thức, đối tác, thời gian và quy mô hợp tác, liên kết;

b) Kết quả thực hiện, sản phẩm và mức độ hoàn thành các cam kết;

c) Số lượng người học, nhà giáo, chuyên gia và các đối tượng tham gia;

d) Nguồn lực huy động, kinh phí và tình hình sử dụng nguồn lực;

đ) Kết quả thực hành, thực tập, đào tạo, tuyển dụng, việc làm hoặc các kết quả đầu ra khác;

e) Kết quả kiểm tra, đánh giá, các vấn đề phát sinh và biện pháp xử lý;

g) Kiến nghị, đề xuất về tiếp tục, điều chỉnh, mở rộng, tạm dừng hoặc chấm dứt hoạt động.

4. Đơn vị báo cáo chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và đúng thời hạn của thông tin, số liệu báo cáo thuộc phạm vi được giao.

5. Việc thu thập, tổng hợp, sử dụng và cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ báo cáo, nhất là dữ liệu cá nhân của người học, nhà giáo, người lao động và các cá nhân có liên quan, chỉ thực hiện trong phạm vi cần thiết, đúng mục đích, đúng thẩm quyền và theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Điều 25. Công khai thông tin

1. Trường thực hiện công khai thông tin về hoạt động hợp tác, liên kết theo quy định của pháp luật và quy định của Trường.

2. Nội dung, hình thức, thời điểm và phạm vi công khai được xác định phù hợp với tính chất của hoạt động và yêu cầu quản lý; bảo đảm công khai, minh bạch nhưng không làm lộ:

a) Bí mật nhà nước;

b) Bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ và thông tin thuộc phạm vi bảo mật hợp pháp của doanh nghiệp;

c) Dữ liệu cá nhân và thông tin của người học, nhà giáo, người lao động thuộc phạm vi phải bảo vệ;

d) Thông tin, tài liệu và kết quả nghiên cứu, sản phẩm trí tuệ mà các bên có thỏa thuận hạn chế công bố hoặc pháp luật quy định hạn chế công bố.

3. Việc công khai thông tin có liên quan đến doanh nghiệp hoặc đối tác phải thực hiện đúng thẩm quyền và phù hợp với cam kết bảo mật trong văn bản hợp tác, liên kết.

4. Đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm về nội dung thông tin đề nghị công khai; Tổ Quản trị hệ thống thông tin khi đăng tải có trách nhiệm kiểm tra phạm vi và điều kiện công khai theo quy định và bảo đảm vận hành trang thông tin điện tử của Trường.

5. Việc thu thập, sử dụng, lưu trữ và cung cấp dữ liệu phục vụ công khai thông tin phải được thực hiện trong phạm vi cần thiết, đúng mục đích, đúng thẩm quyền và theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; việc công khai không được vượt quá phạm vi thông tin được phép công khai theo quy định của pháp luật và thỏa thuận hợp pháp giữa các bên.

Chương VII

AN TOÀN, BẢO MẬT, SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 26. Bảo đảm an toàn trong hoạt động hợp tác, liên kết

1. Các bên có trách nhiệm bảo đảm an toàn trong quá trình tổ chức hoạt động hợp tác, liên kết, thực hành, thực tập và đào tạo tại doanh nghiệp, phù hợp

với tính chất, địa điểm và nội dung hoạt động.

2. Việc tổ chức hoạt động phải tuân thủ quy định của pháp luật và các yêu cầu có liên quan về:

a) An toàn, vệ sinh lao động;

b) Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

c) Bảo vệ môi trường;

d) An toàn trong quản lý, vận hành và sử dụng máy móc, thiết bị, công nghệ;

đ) Bảo vệ người học, nhà giáo, người lao động và các cá nhân tham gia hoạt động.

3. Trước khi đưa người học vào thực hành, thực tập hoặc tham gia hoạt động tại doanh nghiệp, đơn vị chủ trì phải phối hợp với doanh nghiệp xác định các yêu cầu về điều kiện làm việc, nội quy, quy trình an toàn, phương tiện bảo hộ và các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp.

4. Văn bản hợp tác, liên kết hoặc hợp đồng có liên quan phải xác định trách nhiệm của các bên trong việc bảo đảm an toàn, thông báo, ứng phó và xử lý khi xảy ra tai nạn, sự cố; trách nhiệm phối hợp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người học, nhà giáo và người lao động.

5. Khi xảy ra tai nạn, sự cố hoặc nguy cơ mất an toàn, đơn vị, cá nhân phát hiện phải kịp thời thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn, thông báo cho bên có trách nhiệm và báo cáo Trường theo quy định; việc xử lý phải ưu tiên bảo vệ tính mạng, sức khỏe và quyền lợi hợp pháp của người học và các bên liên quan.

6. Thông tin, hồ sơ, hình ảnh và dữ liệu cá nhân phát sinh trong quá trình xử lý tai nạn, sự cố hoặc các tình huống mất an toàn phải được quản lý, sử dụng, lưu trữ và cung cấp trong phạm vi cần thiết, đúng mục đích, đúng thẩm quyền và theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 27. Bảo mật thông tin và sở hữu trí tuệ

1. Các bên có trách nhiệm bảo mật thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, dữ liệu cá nhân và các thông tin khác được xác định hoặc có nghĩa vụ bảo mật theo quy định của pháp luật và văn bản hợp tác, liên kết.

2. Phạm vi thông tin bảo mật, thời hạn bảo mật, quyền tiếp cận, trách nhiệm quản lý, việc cung cấp cho bên thứ ba và các trường hợp được phép công bố thông tin phải được xác định phù hợp với pháp luật và thỏa thuận giữa các bên.

3. Quyền sở hữu trí tuệ đối với chương trình, giáo trình, học liệu, sáng kiến, kết quả nghiên cứu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ và các sản phẩm khác hình thành trong quá trình hợp tác, liên kết được xác định theo pháp luật và thỏa thuận,

hợp đồng giữa các bên.

4. Việc sử dụng, khai thác, công bố, chuyển giao, đăng ký hoặc thương mại hóa kết quả, sản phẩm thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng của bên khác phải được thực hiện đúng quyền của chủ thể và thỏa thuận giữa các bên.

5. Trường hợp hoạt động hợp tác, liên kết có sử dụng tài liệu, dữ liệu, phần mềm, công nghệ, thiết bị hoặc các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp hoặc bên thứ ba, việc sử dụng phải đúng phạm vi được phép và không làm phát sinh quyền vượt quá thỏa thuận.

6. Việc thu thập, sử dụng, lưu trữ, cung cấp và chia sẻ dữ liệu cá nhân trong hoạt động hợp tác, liên kết phải được thực hiện trong phạm vi cần thiết, đúng mục đích, đúng thẩm quyền và theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; việc cung cấp hoặc chia sẻ cho bên thứ ba chỉ được thực hiện khi có căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận hợp pháp giữa các bên.

Điều 28. Xử lý vi phạm, tạm dừng và chấm dứt hợp tác, liên kết

1. Bên vi phạm nghĩa vụ theo văn bản hợp tác, liên kết hoặc hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo thỏa thuận và quy định của pháp luật; trường hợp gây thiệt hại thì phải thực hiện trách nhiệm bồi thường, khắc phục theo quy định.

2. Trường xem xét, quyết định hoặc đề nghị người có thẩm quyền, bên có thẩm quyền thực hiện việc yêu cầu khắc phục, tạm dừng hoặc chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hoạt động hợp tác, liên kết theo thẩm quyền, văn bản hợp tác, liên kết, hợp đồng và quy định của pháp luật trong các trường hợp:

a) Một bên vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ, cam kết đã thỏa thuận;

b) Không bảo đảm hoặc không còn đáp ứng điều kiện cần thiết về an toàn, chất lượng hoặc các điều kiện pháp lý để tiếp tục hoạt động;

c) Hành vi hoặc việc không thực hiện nghĩa vụ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người học, nhà giáo hoặc người lao động;

d) Có hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động hợp tác, liên kết;

đ) Không thực hiện nghĩa vụ tài chính, hỗ trợ hoặc các nghĩa vụ về nguồn lực đã cam kết mà không có lý do chính đáng;

e) Có hành vi hoặc tình trạng thực tế gây thiệt hại hoặc có nguy cơ trực tiếp gây thiệt hại nghiêm trọng đến chất lượng đào tạo, quyền và lợi ích hợp pháp của người học, tài chính, tài sản hoặc hoạt động hợp pháp của Trường;

g) Trường hợp khác theo văn bản hợp tác, liên kết, hợp đồng hoặc quy định của pháp luật.

3. Việc tạm dừng hoặc chấm dứt hợp tác, liên kết phải được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự và điều kiện đã thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật; đồng thời xác định trách nhiệm xử lý các nghĩa vụ, tài chính, tài sản, hồ sơ, dữ

liệu và sản phẩm còn tồn tại.

4. Trường hợp tạm dừng hoặc chấm dứt hoạt động theo thẩm quyền, quy định của pháp luật và nội dung đã thỏa thuận trong văn bản hợp tác, liên kết hoặc hợp đồng có người học đang tham gia, đơn vị chủ trì phải chủ động đề xuất phương án xử lý, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người học, hạn chế ảnh hưởng đến tiến độ và kết quả học tập, thực hành, thực tập hoặc các quyền lợi đã được xác lập.

5. Việc tạm dừng hoặc chấm dứt hợp tác, liên kết không làm mất hoặc thay đổi các quyền, nghĩa vụ đã phát sinh trước thời điểm tạm dừng hoặc chấm dứt, trừ trường hợp pháp luật hoặc văn bản hợp tác, liên kết có quy định khác.

6. Đơn vị, cá nhân thuộc Trường vi phạm Quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật về viên chức, lao động và quy định của Trường; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

KHEN THƯỞNG, KINH PHÍ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân thuộc Trường có thành tích trong tham mưu, xây dựng, tổ chức hoặc duy trì hiệu quả hoạt động hợp tác, liên kết với doanh nghiệp được xem xét biểu dương, khen thưởng theo quy định của pháp luật và quy định của Trường.

2. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực, hiệu quả cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Trường được xem xét biểu dương, tôn vinh hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định. Hằng năm, phòng QLKHCN&HTPT tổng hợp, tham mưu Hiệu trưởng đề nghị cấp có thẩm quyền tôn vinh, khen thưởng doanh nghiệp có đóng góp tiêu biểu theo Điều 5 Nghị định số 308/2026/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; việc doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ đào tạo nhân lực cho hoạt động giáo dục, đào tạo là một trong những căn cứ đề xuất.

3. Việc đề xuất, xét chọn, biểu dương, khen thưởng phải bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, tiêu chí, thẩm quyền và không làm phát sinh cam kết, nghĩa vụ trái quy định pháp luật.

Điều 30. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện hoạt động hợp tác, liên kết đào tạo được bảo đảm từ các nguồn hợp pháp theo quy định, gồm:

a) Ngân sách nhà nước theo phân cấp và dự toán được giao, bao gồm kinh phí giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu đào tạo thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp theo Điều 11 của Quy định này;

b) Nguồn thu hợp pháp của Trường;

c) Kinh phí do doanh nghiệp đặt hàng, tham gia đào tạo hoặc thực hiện các nội dung hợp tác, liên kết theo thỏa thuận, hợp đồng;

d) Nguồn tài trợ, hỗ trợ, viện trợ và các khoản đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân;

đ) Nguồn hỗ trợ từ Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp theo Điều 8 Nghị định số 308/2026/NĐ-CP và thỏa thuận, hợp đồng hợp pháp giữa các bên;

e) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Việc lập dự toán, tiếp nhận, quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí phải thực hiện đúng quy định của pháp luật, quy chế tài chính của Trường và nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc thỏa thuận, hợp đồng đã ký.

3. Việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản, thiết bị và các nguồn lực khác do doanh nghiệp hỗ trợ, tài trợ hoặc bàn giao thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, tài sản công và các quy định có liên quan.

4. Kinh phí, tài sản và nguồn lực của doanh nghiệp không thuộc nguồn kinh phí của Trường chỉ được tiếp nhận, quản lý và sử dụng theo đúng mục đích, điều kiện, thẩm quyền và nội dung đã được thỏa thuận; không tự động được xem là tài sản hoặc nguồn thu của Trường khi chưa thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định.

5. Việc hỗ trợ, tài trợ của doanh nghiệp không làm thay đổi trách nhiệm của Trường trong việc bảo đảm chất lượng đào tạo, quyền và lợi ích hợp pháp của người học và việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Điều 31. Tổ chức thực hiện

1. Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chức triển khai, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện Quy định này trong toàn Trường; quyết định, phân cấp hoặc ủy quyền thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền của Hiệu trưởng theo quy định của pháp luật và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.

2. Các đơn vị thuộc Trường căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và Quy định này để tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác, liên kết thuộc phạm vi phụ trách; không làm thay đổi hoặc thay thế trách nhiệm đã được xác định tại Chương V.

3. Phòng QLKHCN&HTPT có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện Quy định ở phạm vi toàn Trường, tổng hợp những vấn đề cần điều chỉnh, hoàn thiện hoặc xử lý và báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

4. Khi triển khai hoạt động cụ thể, đơn vị chủ trì phải xác định rõ phạm vi công việc, đầu mối thực hiện, thời hạn, sản phẩm hoặc kết quả cần đạt và cơ chế phối hợp với các đơn vị có liên quan; hạn chế chồng chéo trách nhiệm và không đặt thêm thủ tục nội bộ không cần thiết.

5. Trường hợp phát sinh vấn đề vượt thẩm quyền, có nguy cơ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người học, an toàn, tài chính, tài sản, chất lượng

đào tạo hoặc cam kết với doanh nghiệp, đơn vị chủ trì phải kịp thời báo cáo Hiệu trưởng để xem xét, xử lý trước khi tiếp tục thực hiện nội dung có liên quan.

6. Biểu mẫu thực hiện Quy định này được ban hành tại Phụ lục kèm theo Quy định. Phòng QLKHCN&HTPT tham mưu Hiệu trưởng sửa đổi, bổ sung biểu mẫu khi cần thiết; việc sửa đổi, bổ sung biểu mẫu không làm thay đổi nội dung của Quy định này. Mẫu văn bản xác nhận kết quả hợp tác (khoản 5 Điều 4) và mẫu biên bản tiếp nhận tài trợ, hỗ trợ (khoản 3 Điều 10) do phòng QLKHCN&HTPT tham mưu Hiệu trưởng ban hành bổ sung trước ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Điều 32. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các thỏa thuận hợp tác, hợp đồng, chương trình, kế hoạch và hoạt động hợp tác, liên kết được ký kết hoặc triển khai trước ngày Quy định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn đã thỏa thuận, nếu phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết, trừ trường hợp các bên thỏa thuận sửa đổi, bổ sung.

2. Đối với các thỏa thuận, hợp đồng hoặc hoạt động đang thực hiện có nội dung không còn phù hợp với quy định pháp luật hoặc Quy định này, đơn vị chủ trì phối hợp với các bên liên quan rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc xử lý phù hợp, bảo đảm hoàn thành trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Thông tư số 72/2026/TT-BGDĐT có hiệu lực thi hành (chậm nhất ngày 12 tháng 4 năm 2027) theo khoản 2 Điều 22 Thông tư số 72/2026/TT-BGDĐT. Trong thời gian chưa sửa đổi, bổ sung, đơn vị chủ trì phải có biện pháp bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người học và báo cáo Hiệu trưởng (qua phòng QLKHCN&HTPT) để báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giáo dục nghề nghiệp tại địa phương theo khoản 3 Điều 22 Thông tư số 72/2026/TT-BGDĐT.

3. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc chuyển tiếp phải bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người học, nhà giáo và các bên liên quan; không làm phát sinh nghĩa vụ trái với quy định pháp luật.

4. Đối với hoạt động hợp tác, liên kết đã được phê duyệt nhưng chưa ký kết hoặc chưa triển khai tại thời điểm Quy định này có hiệu lực, đơn vị chủ trì rà soát hồ sơ và điều chỉnh cho phù hợp với Quy định này trước khi thực hiện.

5. Các hoạt động hợp tác, liên kết được xác lập kể từ ngày Quy định này có hiệu lực phải thực hiện theo Quy định này và các quy định pháp luật hiện hành.

6. Phòng QLĐT&BĐCL chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan kê khai, cập nhật trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành các thông tin, dữ liệu về toàn bộ các địa điểm đào tạo hợp pháp ngoài trụ sở chính, phân hiệu đang tổ chức đào tạo hoặc đã thông báo tuyển sinh từ năm 2026 trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Nghị định số 361/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (chậm nhất ngày 17 tháng 3 năm 2027); tổ chức rà soát các địa điểm đào tạo chậm nhất ngày 17 tháng 9 năm 2030 theo điểm a khoản 11 Điều 42 Nghị định số 361/2026/NĐ-CP.

7. Kể từ ngày Quyết định ban hành Quy định này có hiệu lực, Danh mục biểu mẫu HTDN-01 đến HTDN-09 kèm theo Quy định ban hành tại Quyết định số 1259/QĐ-CĐKT và Phụ lục Mẫu hợp đồng liên kết đào tạo kèm theo Quy định ban hành tại Quyết định số 928/QĐ-CĐKT hết hiệu lực cùng với Quyết định ban hành và không được tiếp tục sử dụng để lập hồ sơ mới; hồ sơ, văn bản đã lập, ký kết theo các biểu mẫu đó trước thời điểm này tiếp tục được thực hiện theo khoản 1 Điều này. Đối với công văn liên hệ địa điểm thực tập, kế hoạch đưa, đón người học đi thực hành, thực tập, đơn vị thực hiện theo quy định về thực hành, thực tập của Trường.

Điều 33. Trách nhiệm thi hành

1. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc Trường có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này trong phạm vi quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình. Đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân bên ngoài Trường, các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm chỉ phát sinh trong phạm vi pháp luật và văn bản hợp tác, thỏa thuận, hợp đồng hợp pháp mà các bên đã ký kết.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc nội dung cần sửa đổi, bổ sung, các đơn vị phản ánh về phòng QLKHCN&HTPT, báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định.

3. Quy định này gồm 08 Chương, 33 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định ban hành có hiệu lực./.

Phụ lục

DANH MỤC PHỤ LỤC KÈM THEO QUY ĐỊNH HỢP TÁC VÀ LIÊN KẾT ĐÀO TẠO TRONG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

Số	Tên Phụ lục	Vị trí viện dẫn trong Quy định	Trường hợp áp dụng	Đơn vị lập
I	Phiếu đề xuất hoạt động hợp tác, liên kết	Khoản 3 Điều 12; điểm b, điểm c khoản 6 Điều 12	Hoạt động có ký kết và liên kết đào tạo; không áp dụng đối với hoạt động tại điểm a khoản 6 Điều 12	Đơn vị chủ trì
II	Phiếu khảo sát, đánh giá doanh nghiệp/đối tác dự kiến hợp tác, liên kết	Khoản 1 Điều 13; điểm b, điểm c khoản 6 Điều 12	Chỉ lập đối với doanh nghiệp, đối tác chưa được công nhận là cơ sở thực hành, thực tập và có tiếp nhận người học hoặc cung cấp địa điểm, cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ đào tạo; bắt buộc lập đối với liên kết tại điểm c khoản 6 Điều 12	Đơn vị chủ trì; phòng QLKHCN&HTPT
III	Phiếu thẩm định hồ sơ hợp tác, liên kết	Khoản 1 Điều 14; điểm b, điểm c khoản 6 Điều 12	Hoạt động phát sinh nghĩa vụ tài chính, tài sản hoặc sử dụng tài sản công; liên kết đào tạo	Các phòng chức năng; phòng QLKHCN&HTPT tổng hợp (riêng hồ sơ liên kết thực hiện chương trình đào tạo và hồ sơ hợp tác phát triển chương trình đào tạo, mô hình học tập do phòng QLĐT&BĐCL tổng hợp)

Số	Tên Phụ lục	Vị trí viện dẫn trong Quy định	Trường hợp áp dụng	Đơn vị lập
IV	Thỏa thuận hợp tác (Biên bản ghi nhớ hợp tác)*	Điểm a khoản 5 Điều 14	Hợp tác khung với doanh nghiệp, đối tác	Đơn vị chủ trì; phòng QLKHCN&HTPT
V	Hợp đồng đào tạo theo đặt hàng*	Điểm c khoản 5 Điều 14	Đào tạo theo đặt hàng của doanh nghiệp	Đơn vị chủ trì; phòng QLKHCN&HTPT
VI	Hợp đồng liên kết thực hiện chương trình đào tạo	Khoản 4 Điều 5; điểm d khoản 5 Điều 14; điểm c khoản 6 Điều 12	Liên kết thực hiện chương trình đào tạo cấp văn bằng, chứng chỉ; không dùng thay hợp đồng thực hành, thực tập	Đơn vị chủ trì; phòng QLĐT&BĐCL
VII	Hợp đồng thực hành, thực tập và/hoặc thực hành, thực tập kết hợp sản xuất*	Điểm đ khoản 5 Điều 14	Hợp tác tổ chức thực hành, thực tập (kể cả kết hợp sản xuất, thực tập ảo, tham quan, trải nghiệm) cho người học tại doanh nghiệp	Đơn vị chủ trì; phòng QLKHCN&HTPT
VIII	Thỏa thuận liên kết thành lập khoa, trung tâm hoặc đơn vị đào tạo chuyên môn*	Khoản 3 Điều 6; điểm c khoản 6 Điều 12	Liên kết thành lập khoa, trung tâm hoặc đơn vị đào tạo chuyên môn	Phòng TCCB&CTHSSV
IX	Biên bản rà soát điều kiện thực hiện liên kết đào tạo trước khi tuyển sinh	Khoản 5 Điều 5; điểm c khoản 6 Điều 12	Trước khi quyết định tuyển sinh chương trình liên kết	Phòng QLĐT&BĐCL
X	Danh mục kiểm tra điều kiện trước khi đưa người học đến doanh nghiệp	Điểm a khoản 4 Điều 7	Phần A: lập cho mỗi doanh nghiệp, có giá trị trong năm học, lập lại khi điều kiện thay đổi; Phần B: lập theo	Đơn vị chủ trì

Số	Tên Phụ lục	Vị trí viện dẫn trong Quy định	Trường hợp áp dụng	Đơn vị lập
			từng đợt, lớp, đính kèm kế hoạch thực hành, thực tập	
XI	Phiếu đánh giá kết quả thực hành, thực tập của người học tại doanh nghiệp*	Điểm b khoản 6 Điều 7	Không bắt buộc; khoa điều chỉnh tiêu chí theo môn học, mô đun	Nhà giáo, người hướng dẫn của doanh nghiệp
XII	Báo cáo kết quả hợp tác, liên kết trong giáo dục nghề nghiệp của đơn vị	Khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 6 Điều 12	Báo cáo định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm đối với mọi hoạt động hợp tác, liên kết	Đơn vị chủ trì; phòng QLKHCN&HTPT tổng hợp
XIII	Kế hoạch tổ chức liên kết thực hiện chương trình đào tạo cấp văn bằng, chứng chỉ	Khoản 3, khoản 10 Điều 5; điểm c khoản 6 Điều 12	Liên kết thực hiện chương trình đào tạo: dự thảo kèm hồ sơ đề xuất; hoàn thiện, ban hành sau khi ký hợp đồng liên kết (kèm Biểu 1, Biểu 2, Biểu 3)	Khoa/đơn vị chủ trì; phòng QLĐT&BĐCL

Ghi chú:

- (*): Mẫu tham khảo.

- Báo cáo hằng năm của Trường gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi (do phòng QLKHCN&HTPT lập) sử dụng mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 72/2026/TT-BGDĐT (khoản 2 Điều 24); kế hoạch thực hành, thực tập tại doanh nghiệp sử dụng mẫu theo quy định về thực hành, thực tập của Trường (điểm d khoản 2 Điều 7).